

LUẬN VĂN:

**Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở
các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Môi trường là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với đời sống của con người của sinh vật và sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, dân tộc và toàn nhân loại. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vấn đề bảo vệ môi trường càng trở nên bức bách. Đó không chỉ là vấn đề của hiện tại mà còn là của tương lai mà chúng ta phải quan tâm và chủ động giải quyết để đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Công nghiệp hoá là giai đoạn phát triển tất yếu của mọi quốc gia từ một nền kinh tế nông nghiệp, kém phát triển trở thành một nền kinh tế tiên tiến, hiện đại. Nước ta đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là vấn đề quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân ta trên con đường thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế đất nước, các khu công nghiệp, khu chế xuất (sau đây gọi chung là khu công nghiệp – KCN) có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vận dụng kinh nghiệm thế giới vào thực tế Việt Nam từ năm 1991 Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương thí điểm và triển khai việc xây dựng các KCN. Qua 17 năm, quá trình này đã có những bước tiến dài, cả nước đã có 194 KCN được thành lập, với tổng diện tích đất tự nhiên 46.588 ha, phân bố rộng khắp các miền đất nước, thu hút được hơn 3.325 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đầu tư là 39,3 tỷ USD và 3.082 dự án đầu tư trong nước với tổng số vốn 185000 tỷ đồng Việt Nam, tạo việc làm cho 1,1 triệu lao động. Các khu công nghiệp này đã có những đóng góp vô cùng quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Bên cạnh những ảnh hưởng tích cực của các KCN đối với nền kinh tế thì quá trình này đặt ra một thách thức vô cùng to lớn mang tính toàn cầu, đó là nạn ô nhiễm môi trường do quá trình sản xuất công nghiệp gây ra. Ô nhiễm môi trường làm thiệt hại to lớn về kinh tế và xã hội. Lương thực, thực phẩm bị nhiễm độc do chất thải công nghiệp, gây ngộ độc cho người tiêu dùng... môi trường thiên nhiên bị huỷ hoại do hoạt động của các khu công nghiệp.

Phát triển KCN tạo ra tốc độ tăng trưởng cao. Nhưng phát triển KCN và quản lý như thế nào để vừa có sự tăng trưởng, phát triển kinh tế, đồng thời vừa giữ gìn bảo vệ môi trường là một thách thức to lớn. Chỉ có vượt qua thách thức đó, Việt Nam mới xây dựng được một nền kinh tế phát triển bền vững.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá ở nước ta trong thời gian qua đã có tác động tích cực tới vấn đề môi trường. Việt Nam có điều kiện tiếp thu công nghệ cao, công nghệ hiện đại. Điều này đồng nghĩa với khả năng hạn chế những tiêu cực tới môi trường từ sản xuất kinh doanh. Đồng thời có cơ hội tiếp nhận thông tin, kiến thức nhất là lĩnh vực bảo vệ môi trường, có điều kiện học hỏi kinh nghiệm từ các nước khác trong việc xử lý hài hoà mối quan hệ giữa thương mại và môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững.

Tất cả những vấn đề trên đòi hỏi phải có pháp luật để điều chỉnh. Vì vậy, Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 (sửa đổi, bổ sung năm 2005) và hàng loạt hệ thống chính sách, văn bản pháp luật quan trọng về bảo vệ môi trường được ban hành.

Đặc biệt, trước yêu cầu của thực tiễn khách quan. Đảng và Nhà nước ta đã thường xuyên quan tâm vấn đề bảo vệ môi trường. Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 28/6/1998 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Nghị quyết của Bộ Chính trị số 41-NQ/TW ban hành ngày 15/11/2004 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước..

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2003.

- Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 Việt Nam), theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 153/2004/QĐ/TTg ngày 17/8/2004.

- Luật Bảo vệ môi trường đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005 và được Chủ tịch nước ký ban

hành số 29/2995-L/CTN ngày 12/12/2005 (thay thế Luật Bảo vệ môi trường 1993) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Từ khi Đảng và Nhà nước ta ban hành chủ trương và pháp

luật về bảo vệ môi trường cho đến nay chúng ta đã triển khai thực hiện rộng khắp trong cả nước, chính quyền các cấp, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức kinh tế xã hội ngày càng chú ý hơn đến công tác bảo vệ môi trường. Nhận thức và hành động về bảo vệ môi trường trong cộng đồng, trong xã hội ngày càng được nâng cao. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được lồng ghép trở thành một điều kiện quan trọng không thể thiếu trong việc xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, trong hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, hướng tới phát triển bền vững, giúp chúng ta thu được nhiều thành tựu trong công tác bảo vệ môi trường, bước đầu hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm khắc phục suy thoái phục hồi và cải thiện môi trường. Tuy nhiên, sau nhiều năm thực hiện vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt trong các khu công nghiệp đang có xu hướng gia tăng đã có tác động tiêu cực đến sức khỏe đời sống của nhân dân. Song, pháp luật dù có hoàn thiện và tiến bộ đến đâu chẳng nữa nhưng pháp luật có thực sự đi vào cuộc sống hay không phụ thuộc vào nhận thức, ý thức chấp hành tuân thủ, sự áp dụng và thi hành của các chủ thể thực hiện pháp luật. Sự kiện nhà máy VEDAN che giấu việc xả nước thải chưa qua xử lý ra sông Thị Vải và chắc chắn còn nhiều doanh nghiệp khác minh chứng cho điều đó. Do đó, nghiên cứu thực trạng tình hình đó tìm ra phương hướng và giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về môi trường ở các khu công nghiệp là yêu cầu khách quan cấp thiết góp phần đưa pháp luật bảo vệ môi trường vào cuộc sống.

Ở Hải Dương, trên cơ sở pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước đã ban hành, chính quyền các cấp ở tỉnh đã ban hành các văn bản và thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Nhưng nhìn chung việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường còn nhiều yếu kém, tình hình ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp vẫn còn ở trong tình trạng đã nêu trên, do đó vấn đề thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp còn hạn chế, tồn tại, thậm chí triển khai thực hiện kết quả đạt được còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là yêu cầu cấp bách của tỉnh Hải Dương hiện nay.

Xuất phát từ tình hình nói trên, tác giả chọn đề tài **Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương** làm Luận văn thạc sĩ luật học, với

mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương.

2. Tình hình nghiên cứu luận văn

Ở Việt Nam, vấn đề thực hiện pháp luật nói chung và thực hiện pháp luật trên từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội đã được Đảng và Nhà nước và đặc biệt là các nhà khoa học, những người làm công tác lý luận đặc biệt quan tâm nghiên cứu ở nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về thực hiện pháp luật nói chung được thể hiện dưới nhiều tên gọi khác nhau như: đề tài, luận văn, đề án, giáo trình... Trong đó là các giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật của các học viên, các trường đại học ở nước ta.

Các công trình nghiên cứu tiêu biểu của các cá nhân, tập thể được công bố có liên quan đến đề tài, bao gồm:

- *Thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường trên địa bàn thành phố Thanh Hoá*, của Phạm Thị Việt Nga, luận văn thạc sĩ luật học, 2008.

- *Thực hiện pháp luật về du lịch ở thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hoá hiện nay*, của Lê Nam, Luận văn thạc sĩ luật học, 2008.

- *Thực hiện pháp luật về hoà giải ở cơ sở ở tỉnh Bình Thuận hiện nay*, của Lê Trung Quân, luận văn thạc sĩ, 2004... Bên cạnh các luận án, luận văn còn có nhiều bài viết đăng trên các báo, tạp chí... Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến cơ sở lý luận của vấn đề. Thực hiện pháp luật nói chung. Về vấn đề môi trường pháp luật môi trường có rất nhiều công trình nghiên cứu khác nhau, tiêu biểu như:

- PGS.TS Trần Văn Chử (2004), *Tài nguyên thiên nhiên môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- Lưu Đức Hải - Nguyễn Ngọc Sinh (2001), *Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

- PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Trâm (2006), *Quản lý Nhà nước đối với tài nguyên và môi trường vì sự phát triển bền vững dưới góc nhìn xã hội nhân văn*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.

- Lê Kim Nguyệt (2003), *Một cơ chế phù hợp cho quản lý chất thải nguy hại ở Việt Nam*, tạp chí nghiên cứu lập pháp, số 11.

- TS. Trịnh Thị Minh Sâm (2004), *Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các KCN và các khu chế xuất*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.

- Trần Văn Tùng - Đặng Thị Phương Hoa - Nguyễn Bá Thủy (2005), *Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường ở một số khu công nghiệp phía bắc tới sức khoẻ cộng đồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

- *Thực hiện pháp luật về môi trường ở tỉnh Nam Định*, Nguyễn Thị Thu Hường, luận văn thạc sĩ luật học, 2008.

- *Quản lý nhà nước bằng pháp luật về môi trường ở tỉnh Bình Thuận*, của Nguyễn Duy Hà, luận văn thạc sĩ, 2008.

Các công trình trên đã đưa ra được nhiều giải pháp để phát triển khu công nghiệp và bảo vệ môi trường, giải quyết được cơ sở lý luận và vấn đề thực tiễn đặt ra, nhưng các công trình này thường nghiên cứu ở tầm quốc gia. Song, chưa có công trình nào nghiên cứu vấn đề thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN trên địa bàn tỉnh Hải Dương. Vì vậy, luận văn này sẽ góp phần đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu và đánh giá đúng tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương trong những năm qua và hiện nay, luận văn đề xuất những phương hướng và giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu cơ sở lý luận của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương.

- Đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đề xuất phương hướng, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương trong giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

- Luận văn chỉ nghiên cứu việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương .

4.2. Phạm vi

Nghiên cứu hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và hoạt động thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương từ 2003 cho đến nay.

5. Cơ sở luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta hiện nay về pháp luật về bảo vệ môi trường, về các khu công nghiệp, bám sát tình hình thực tế và điều kiện tự nhiên, xã hội ở tỉnh Hải Dương. Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phương pháp phân tích và tổng hợp, thống kê, so sánh và điều tra tình hình thực tế để đánh giá đúng thực trạng và trên cơ sở đó nêu ra các giải pháp về quản lý phù hợp với điều kiện của tỉnh Hải Dương.

6. Những đóng góp mới về khoa học của luận văn

- Phân tích, đưa ra khái niệm về pháp luật và thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.

- Đánh giá toàn diện tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương.

- Đề xuất một số phương hướng, giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn luận văn

- Luận văn đóng góp cơ sở lý luận và thực tiễn của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương.

- Luận văn đánh giá thực trạng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN tỉnh Hải Dương trong những năm qua. Luận văn góp phần khẳng định yêu cầu thực tiễn phải thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở

các KCN có hiệu quả để đảm bảo sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế - xã hội với sự cân bằng môi trường sinh thái nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người ở tỉnh Hải Dương.

- Là tài liệu tham khảo trong việc tổng kết thực tiễn, đề xuất giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN cũng như nghiên cứu, giảng dạy của các cơ sở đào tạo luật.

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương, 7 tiết.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm môi trường, khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường a. Khái niệm môi trường

Môi trường và bảo vệ môi trường từ lâu đã trở thành một vấn đề quan trọng và cấp bách của toàn cầu, mà một trong những vấn đề được đặt lên hàng đầu hiện nay là môi trường sống của con người.

Môi trường là khái niệm rộng và đa dạng, do vậy tùy thuộc vào cách tiếp cận phạm vi xem xét, nghiên cứu để xây dựng khái niệm môi trường.

Hiện nay, ở Việt Nam và trên thế giới có rất nhiều công trình nghiên cứu về môi trường. Tuy nhiên các tác giả đã nêu lên các định nghĩa, các khái niệm môi trường không

hoàn toàn đồng nhất mà được thể hiện dưới những góc độ phạm vi khác nhau, nhưng đều hướng tới việc nhận rõ môi trường trong thế giới xung quanh ta là gì, bao gồm những yếu tố nào hợp thành.

Môi trường, theo định nghĩa của Masn và Langenhim cho rằng: "Môi trường là tổng hợp các yếu tố tồn tại xung quanh sinh vật và ảnh hưởng đến sinh vật" [4, tr.16].

Tác giả Toe Whitney định nghĩa về môi trường: "Môi trường là tất cả những gì ngoài cơ thể, có liên quan mật thiết có ảnh hưởng đến sự tồn tại của con người như: đất, nước, không khí, ánh sáng mặt trời, rừng, biển, tầng ôzôn, sự đa dạng của các loài" [4, tr.7]. Một số tác giả Trung Quốc như Lương Tử Dung, Vũ Trung Giang cho rằng: "Môi trường là hoàn cảnh sống của sinh vật, kể cả con người mà sinh vật và con người đó không thể tách riêng ra khỏi điều kiện sống của nó, con người đó" [4, tr.7]. Nhà bác học Anhtanh cho rằng: Môi trường là tất cả những gì tồn tại ngoài tôi ra [4, tr.6]. Chương trình môi trường của UNEP định nghĩa: "Môi trường là tập hợp các yếu tố vật lý, hoá học, sinh học, kinh tế - xã hội, tác động trực tiếp lên từng cá thể hay cộng đồng" [4, tr. 8].

Theo từ điển tiếng Việt, Môi trường theo định nghĩa thông thường "Là toàn bộ nói chung những điều kiện tự nhiên và xã hội, trong đó con người hay một sinh vật tồn tại, phát triển trong mối quan hệ với con người hay sinh vật ấy" [73, tr.168].

Ở nước ta, một số tác giả, từ những góc độ tiếp cận khác nhau cũng đã đưa ra những quan niệm về môi trường. Chẳng hạn, khi bàn đến khái niệm môi trường, có ý kiến cho rằng: "Môi trường là tổng hợp tất cả các yếu tố vật chất bao quanh và có ảnh hưởng tới đời sống và sự phát triển của mọi sinh vật" [35]. Tác giả còn đề cập tới từng đối tượng và mục đích nghiên cứu cụ thể, khái niệm môi trường có các nội dung tương ứng sau.

- Đối với sự vật hoặc một sự việc: "Môi trường là tổng hợp các điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới sự vật và sự việc đó" [29]. Chẳng hạn môi trường chân tay không trong hiện tượng vật lý dòng điện, làm phát sáng dây tóc bóng đèn; môi trường đầu tư liên quan đến các điều kiện bên ngoài để các chủ thể bỏ vốn nhằm tìm kiếm lợi ích v v...

- Đối với cơ thể sống: Môi trường là tổng hợp các điều kiện bên ngoài có ảnh hưởng tới sự sống và phát triển của cơ thể sống [29, tr.15]. Chẳng hạn, môi trường sống của sinh vật biển và môi trường sống của sinh vật nước ngọt; môi trường sống của sinh

vật trên cạn và môi trường sống của sinh vật dưới nước... Mỗi loài, mỗi cộng đồng và mỗi cá thể sinh vật lại cần có môi trường sống đặc trưng riêng.

- Đối với con người: “Môi trường là tổng hợp các điều kiện (*hoá học, vật lý, sinh vật và xã hội*) bao quanh có ảnh hưởng tới sự sống và phát triển của cá nhân, cộng đồng con người” [29, tr.16]. Đây là loại môi trường chỉ dành cho con người, nên nó vừa phải nằm trong môi trường sống của thế giới sinh vật nói chung, lại vừa phải có đặc thù riêng liên quan đến hoạt động của con người. Như vậy, môi trường là tổng hợp các điều kiện bao quanh, có ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các vật thể, sinh vật hoặc sự kiện. Mỗi vật thể, sinh vật, sự kiện thường tồn tại và phát triển trong một môi trường nhất định. Do vậy khi nghiên cứu về cơ thể sống, chúng ta thường quan tâm đến "*môi trường sống*", bao gồm các điều kiện vật lý, hoá học, sinh học, xã hội bao quanh, có ảnh hưởng đến sự sống và phát triển ở mỗi cá nhân, cộng đồng người.

** Có thể phân chia môi trường sống thành 3 loại:*

Môi trường tự nhiên: Bao gồm những yếu tố được hình thành và phát triển theo những quy luật tự nhiên như đất, nước, không khí, ánh sáng, âm thanh, các hệ thực vật, hệ động vật...

Môi trường nhân tạo: Bao gồm toàn bộ những yếu tố vật chất, sản phẩm do con người tạo ra nhằm tác động tới các yếu tố thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu bản thân mình như: hệ thống đê điều, các công trình nghệ thuật, các công trình văn hoá kiến trúc, hoá kiến trúc...

Môi trường xã hội: “Là tổng thể các mối quan hệ giữa người với người tạo nên những thuận lợi hoặc khó khăn cho sự tồn tại phát triển của cá nhân và cộng đồng người”[18, tr.81-82].

Trong thực tế cả 3 loại môi trường đều cùng loại, xen kẽ lẫn nhau, tương tác với nhau hết sức chặt chẽ. Vì thế sự suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên sẽ dẫn đến sự suy thoái và ô nhiễm môi trường tự nhiên, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng sống của con người

Môi trường sử dụng trong lĩnh vực khoa học pháp lý là khái niệm được hiểu như là mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, trong đó môi trường được hiểu như là những yếu tố, hoàn cảnh và điều kiện tự nhiên bao quanh con người.

Từ những phân tích nêu trên có thể hiểu: Môi trường là các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, phát triển của con người và sinh vật. Khái niệm này đã được khái quát trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

Như vậy, môi trường được tạo thành bởi vô số các yếu tố vật chất tự nhiên như đất, nước, không khí, ánh sáng, âm thanh, các hệ thực vật, hệ động vật. Ngoài những yếu tố vật chất tự nhiên, môi trường còn bao gồm cả những yếu tố nhân tạo, những yếu tố này do con người tạo ra nhằm tác động tới các yếu tố thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu bản thân mình như: hệ thống đê điều, các công trình nghệ thuật, các công trình văn hoá kiến trúc mà con người từ thế hệ này sang thế hệ khác dựng lên.

Môi trường hiện tại đang có những thay đổi bất lợi cho con người, đặc biệt là những yếu tố mang tính tự nhiên như nước, đất, không khí, hệ thực vật, hệ động vật. Tình trạng môi trường thay đổi theo chiều hướng xấu đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu cũng như trong phạm vi mỗi quốc gia.

Việc môi trường bị huỷ hoại diễn ra do nhiều yếu tố khác nhau. Trong số các nhân tố ảnh hưởng đến môi trường sống của con người cần phải kể đến việc gây ô nhiễm phát triển các khu công nghiệp.

Nguy cơ môi trường bị huỷ hoại với những hậu quả nghiêm trọng của nó đã buộc các quốc gia phải có những biện pháp hữu hiệu nhằm BVMT như: biện pháp chính trị, biện pháp kinh tế, biện pháp khoa học công nghệ, biện pháp giáo dục, biện pháp pháp lý. Trong các biện pháp BVMT thì biện pháp pháp lý có ý nghĩa quan trọng.

b. Pháp luật về Bảo vệ môi trường:

Quan điểm của học thuyết Mác - Lênin về nhà nước và pháp luật đã giải thích một cách đúng đắn khoa học và bản chất của pháp luật và những mối quan hệ của nó với các hiện trạng khác trong xã hội có giai cấp. Pháp luật chỉ phát sinh tồn tại và phát triển trong xã hội có giai cấp. Nhờ nắm trong tay quyền lực nhà nước, giai cấp thống trị đã thông qua nhà nước để thể hiện ý chí của giai cấp mình một cách tập trung, thống nhất và hợp pháp

hoá thành ý chí trong nhà nước, ý chí đó được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Trong xã hội có giai cấp tồn tại nhiều

loại quy phạm khác nhau, nhưng chỉ có một hệ thống pháp luật thống nhất chung cho toàn xã hội.

Pháp luật là một hiện tượng vừa mang tính giai cấp lại vừa thể hiện tính xã hội. Tuy nhiên mức độ đậm, nhạt của hai tính chất đó của pháp luật rất khác nhau và thường hay biến đổi tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội, đạo đức, quan điểm, đường lối và các trào lưu chính trị xã hội trong mỗi nước, ở một thời kỳ lịch sử nhất định.

Pháp luật là hệ thống các quy tắc do Nhà nước ban hành và bảo đảm thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là yếu tố điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Nhà nước cộng hòa xã hội Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN là nhà nước của dân, do dân và vì dân, do đó pháp luật thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và đông đảo nhân dân lao động.

Pháp luật XHCN là hệ thống các quy tắc xử sự, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng, do Nhà nước XHCN ban hành và đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước trên cơ sở giáo dục và thuyết phục mọi người tôn trọng và thực hiện.

Pháp luật giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, chính con người trong quá trình khai thác các yếu tố trong môi trường đã làm mất cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm. Pháp luật với tư cách là hệ thống các quy phạm điều chỉnh cách xử sự của con người sẽ có tác dụng rất lớn trong việc bảo vệ môi trường. Pháp luật quy định các quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường; quy định các chế tài hình sự, kinh tế, hành chính để buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các đòi hỏi của pháp luật trong việc khai thác và sử dụng các yếu tố của môi trường; quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các tổ chức bảo vệ môi trường. Đồng thời pháp luật còn quyết định các tiêu chuẩn môi trường, ví dụ: Tiêu chuẩn về độ ồn, tiêu chuẩn về nước sạch, tiêu chuẩn về không khí. Các tiêu chuẩn môi trường là cơ sở pháp lý cho việc xác định vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Chúng

là cơ sở cho việc truy cứu trách nhiệm đối với những hành vi vi phạm luật về bảo vệ môi trường.

Pháp luật có vai trò bảo vệ môi trường trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến bảo vệ môi trường. Tranh chấp môi trường có thể xảy ra giữa cá nhân với nhau, song cũng có khi xảy ra giữa cá nhân với các doanh nghiệp hoặc các cơ quan nhà nước.

Tranh chấp về môi trường là tranh chấp liên quan tới việc khai thác, sử dụng các yếu tố trong môi trường, chẳng hạn tranh chấp công ty bột ngọt Vedan với các cư dân tỉnh Đồng Nai sống xung quanh địa bàn trong công ty này.

Ở Việt Nam trong hệ thống pháp luật hiện hành Luật môi trường là lĩnh vực mới nhất. Sắc lệnh số 142/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 21/12/1949 quy định việc kiểm soát lập biên bản các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng có thể được coi là văn bản pháp luật sớm nhất đề cập vấn đề môi trường. Một số văn bản khác của Chính phủ quy định về môi trường hoặc liên quan đến môi trường nằm rải rác trong các văn bản pháp luật được ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội khác nhau với mục tiêu là đảm bảo sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, phải kể đến các văn bản pháp luật như: Nghị quyết 36/CP ngày 11/03/1961 của Hội đồng chính phủ về việc quản lý, bảo vệ tài nguyên dưới lòng đất; Nghị quyết số 183/CP ngày 25/9/1996 về công tác trồng cây gây rừng; Chỉ thị số 07/TTg ngày 16/01/1964 về thu tiền bán khoán lâm sản và thu tiền nuôi rừng, đặc biệt là Pháp lệnh về Bảo vệ rừng ban hành ngày 11/9/1972. Các quy định này chưa nhằm trực tiếp vào việc bảo vệ các yếu tố của môi trường, khía cạnh môi trường chỉ là phần thứ yếu. Chính vì thế, tính tiếp cận mang tính môi trường chưa thể hiện đậm nét trong các quy định pháp luật ban hành ở giai đoạn này. Điều đáng chú ý nhất trong giai đoạn này là việc coi bảo vệ môi trường là đòi hỏi hiến định. Điều 36 Hiến pháp năm 1980 quy định:

"Các cơ quan nhà nước, xí nghiệp, hợp tác xã, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân đều có nghĩa vụ thực hiện chính sách bảo vệ cải tạo và tái sinh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ cải tạo môi trường sống" [41].

Sự phát triển của nền kinh tế đã làm thay đổi nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó vấn đề suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường đang là một thách thức lớn đối với xã hội, đặc biệt từ năm 1986, bảo vệ môi trường đã trở thành nguyên tắc

hiến định. Luật Môi trường được coi là một lĩnh vực quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Luật đầu tư nước ngoài đã đưa việc bảo vệ môi trường thành điều khoản riêng

biệt. Đây là văn bản luật đầu tiên có đề cập đến vấn đề môi trường và Bộ luật hàng hải 1990, Luật đất đai, Luật dầu khí 1999... đều đưa việc bảo vệ môi trường thành nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc khai thác các yếu tố môi trường mà trong đó cá nhân, tổ chức đó hoạt động.

Điều 17 và Điều 29 Hiến pháp năm 1992 là cơ sở hiến định cho việc đưa nghĩa vụ bảo vệ môi trường vào các lĩnh vực cụ thể của đời sống kinh tế. Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992, ngày 29/12/1993, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường đạo luật đầu tiên về BVMT ở nước ta và được thay thế bởi Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005, trong đó quy định khá toàn diện, đầy đủ và cụ thể những vấn đề bảo vệ môi trường, điều kiện quan trọng của quá trình phát triển bền vững, góp phần tạo nên cơ sở pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ môi trường ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế.

Để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và trách nhiệm của chính quyền các cấp, các cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi cá nhân trong việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khoẻ của nhân dân, bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành, phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước, góp phần bảo vệ môi trường khu vực và trên toàn cầu. Nhà nước ta đã xây dựng và không ngừng hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, có thể nói pháp luật về bảo vệ môi trường có phạm vi và đối tượng điều chỉnh đa dạng phức tạp bao gồm các quan hệ phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng hoặc tác động đến một hoặc vài yếu tố của môi trường. Các quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật môi trường phải gắn với việc bảo vệ môi trường sống của con người. Điều này có nghĩa là không phải bất cứ sự tác động nào của các chủ thể vào các yếu tố trong môi trường cũng làm phát sinh quan hệ pháp luật môi trường. Các vấn đề pháp luật môi trường chỉ nảy sinh khi nào có sự tác động đó gây tổn hại hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến môi trường. Ví dụ: Việc nước thải chưa qua xử lý của các doanh nghiệp ra sông, hồ, thoát nhìn không liên quan đến cư dân sinh sống ở vùng đó, thực tế việc làm đó đã làm cho tất cả các cư dân ở đó đứng trước nguy cơ bị gây tổn hại đối với hành vi đổ chất thải ra sông hồ.

Các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về bảo vệ môi trường có thể phân loại theo các nhóm sau:

Các quan hệ giữa một bên là các cá nhân, tổ chức với một bên là Nhà nước phát sinh từ hoạt động quản lý nhà nước về quản lý môi trường. Nhóm quan hệ này có những đặc trưng của quan hệ pháp luật hành chính, nhất là quan hệ phát sinh từ việc xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, lĩnh vực khiếu nại, tố cáo các hành vi của các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật môi trường. Những quan hệ này bao gồm:

- + Quan hệ phát sinh từ hoạt động đánh giá tác động môi trường.
- + Quan hệ phát sinh từ hoạt động thanh tra việc thực hiện pháp luật và chính sách môi trường.
- + Quan hệ phát sinh từ việc xử lý vi phạm pháp luật môi trường.

Quan hệ phát sinh giữa các cá nhân, tổ chức với nhau do sự thoả thuận ý chí của các bên. Các bên trong mối quan hệ này thực hiện các quyền của mình trong lĩnh vực môi trường một cách bình đẳng trong khuôn khổ của pháp luật, mối quan hệ này ngày càng phổ biến hơn do khả năng định hướng hành vi chủ thể không phải là chế tài, hình phạt mà là các lợi ích kinh tế.

Các mối quan hệ mang tính chất dân sự thương mại như thế trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- . Quan hệ về bồi thường thiệt hại do việc gây ô nhiễm, suy thoái hay sự cố môi trường gây nên;
- . Quan hệ phát sinh từ việc hợp tác khắc phục thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái hoặc sự cố môi trường gây ra.
- . Quan hệ phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp môi trường
- . Quan hệ trong lĩnh vực phối hợp đầu tư vào các công trình bảo vệ môi trường.

Từ những phân tích và luận giải trên có thể rút ra khái niệm pháp luật về bảo vệ môi trường như sau: *Pháp luật về bảo vệ môi trường là hệ thống các quy phạm pháp luật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong việc khai thác sử dụng, tiết kiệm, bảo vệ, giữ gìn, quản lý tài nguyên thiên nhiên (tổ*

chức quản lý hoạt động bảo vệ môi trường) nhằm bảo vệ sức khoẻ nhân dân, bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành gắn kết hài hoà với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước, góp phần bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

Pháp luật về bảo vệ môi trường ở nước ta có một số đặc điểm cơ bản sau đây:

- *Một là*, có phạm vi và đối tượng điều chỉnh rộng, đa dạng, phức tạp, bao gồm các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; các quan hệ xã hội liên quan tới việc phòng chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường; các quan hệ xã hội liên quan đến quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; các quan hệ xã hội liên quan đến quan hệ quốc tế về bảo vệ môi trường.
- *Hai là*, chứa đựng các loại quy phạm pháp luật thuộc nhiều ngành luật khác nhau, như Luật Hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật tố tụng dân sự, Luật đất đai, Luật hình sự...
- *Ba là*, có hình thức thể hiện phong phú, gồm các văn bản luật và các văn bản dưới luật do nhiều loại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành

1.1.1.2. Khái niệm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, pháp luật được ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội, nghĩa là bằng pháp luật có thể trật tự hoá, củng cố và phát triển các quan hệ xã hội theo những định hướng mong muốn và điều đó chỉ có thể đạt được khi những mệnh lệnh, chỉ dẫn của các quan hệ pháp luật được thực hiện trong đời sống xã hội, thể hiện bằng hành vi thực tế, hợp pháp của các tổ chức, các cơ quan, của những người có chức vụ, quyền hạn và của các cơ quan cá nhân.

Có một hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ cũng mới chỉ là có được một yếu tố cần của Nhà nước pháp quyền, nhưng chưa đủ. Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân, và vì dân, đòi hỏi pháp luật phải được thi hành một

cách nghiêm chỉnh, thống nhất và công bằng theo nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật [34, tr.1].

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, trách nhiệm thực hiện pháp luật mang tính nguyên tắc do Hiến pháp quy định: "Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN" các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm minh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật. Mọi hành động vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp ở tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật [42].

Quản lý Nhà nước bằng pháp luật đòi hỏi Nhà nước phải ban hành pháp luật. Nếu pháp luật được ban hành nhiều nhưng ít đi vào cuộc sống, hiệu quả điều chỉnh của các quy phạm pháp luật không cao, chứng tỏ quản lý Nhà nước kém hiệu quả. Do đó, xây dựng và thực hiện pháp luật là đòi hỏi khách quan của quản lý Nhà nước, tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Thực hiện pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) của con người được tiến hành phù hợp với yêu cầu của các quy phạm pháp luật. Khoa học pháp lý gọi đó là những hành vi hợp pháp. Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật trở thành hiện thực trong cuộc sống, tạo ra cơ sở pháp lý cho hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật.

Để bảo vệ môi trường trước nguy cơ suy thoái và ô nhiễm đang diễn ra dưới tác động của con người vào thiên nhiên để phục vụ cho nhu cầu của con người và tốc độ phát triển của các khu công nghiệp, Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực hoạt động bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, để những quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đi vào cuộc sống và trở thành hành vi xử sự, hợp pháp của các chủ thể pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp phát huy tác dụng của nó trong thực tiễn. Nhà nước phải giữ vai trò cốt yếu trong việc thực hiện và tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, nhằm hạn chế tối đa sự gây ô nhiễm môi trường do chất thải trong quá trình sản xuất, đồng thời khuyến khích tạo điều kiện để các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong các

khu công nghiệp, tham gia thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.

Từ lý giải trên có thể hiểu khái niệm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp:

Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế, hợp pháp của các chủ thể pháp luật về bảo vệ môi trường, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, phòng ngừa và xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đảm bảo quyền con người được sống trong môi trường trong lành và bảo đảm sự phát triển bền vững.

1.1.2. Đặc điểm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp chính là thực hiện bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp nên có những đặc điểm khác với thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực khác. Nghiên cứu thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường

ở các khu công nghiệp là thực hiện pháp luật về một lĩnh vực cụ thể liên quan đến nhiều yếu tố tự nhiên và xã hội, kỹ thuật, công nghệ. Vì vậy, ngoài những đặc điểm thực hiện pháp luật nói chung, còn có những đặc điểm riêng biệt, khác với thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực khác ở cả chủ thể, phạm vi, nội dung, hình thức thực hiện.

a. Đặc điểm về Chủ thể và phạm vi thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Chủ thể thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Trước hết là các cơ quan Nhà nước (Chính phủ, Bộ Tài nguyên và môi trường, bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Ban quản lý các khu công nghiệp, Sở Tài nguyên và môi trường, Cảnh sát môi trường), các đơn vị kinh tế (chủ đầu tư cơ sở hạ tầng, các doanh

ng nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp). Nhưng năng lực pháp lý của các chủ thể này được quy định ở trong văn bản pháp luật khác nhau. Phạm vi thực hiện pháp luật

được triển khai trên địa bàn từng khu công nghiệp cụ thể với những nội dung phát sinh trong việc đảm bảo thực hiện bảo vệ môi trường trong quản lý nhà nước.

Theo Quyết định số 15/2004/QĐ-BTNMT ngày 05/7/2004 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục bảo vệ môi trường thì Cục BVMT là tổ chức thuộc Bộ tài nguyên môi trường, có chức năng giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT: Kiểm tra và đề xuất giải pháp xử lý tiêu huỷ chất thải các lưu vực sông, khu công nghiệp, đô thị làng nghề, khu vực bị ô nhiễm, suy thoái môi trường nghiêm trọng. Như vậy Cục BVMT thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường là cơ quan trực tiếp nhất trong việc triển khai thực hiện những văn bản quy phạm pháp luật về BVMT của chính quyền Nhà nước cấp trên và của Bộ tài nguyên và môi trường.

Thanh tra Bộ tài nguyên môi trường và đặc biệt là bộ phận thanh tra của Cục bảo vệ môi trường kiểm tra các cơ quan Nhà nước có liên quan trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

Bộ xây dựng có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ tài nguyên và môi trường, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan và UBND cấp tỉnh để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT và các quy định khác của pháp luật có liên quan đối với các hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung (Điều 121 khoản 7 Luật BVMT năm 2005) [45, tr. 104].

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương: chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình và của hội đồng nhân dân cùng cấp (điểm C khoản 7 Điều 21 Luật bảo vệ môi trường năm 2005).

Điều 36 khoản 5 Luật BVMT năm 2005 quy định:

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để chỉ đạo, tổ chức thực hiện BVMT đối

với khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn quản lý của mình [45, tr.35].

Theo Thông tư số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2003 của Bộ tài nguyên và môi trường, Sở tài nguyên môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường theo quy định của pháp luật đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, định kỳ báo cáo UBND tỉnh, và Bộ tài nguyên và môi trường theo quy định tham gia công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, thanh tra, xử lý.

Điểm C khoản 1 Điều 126 luật BVMT quy định: Thanh tra bảo vệ môi trường cấp tỉnh kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn đơn vị các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các dự án thuộc thẩm quyền kiểm tra, thanh tra của Bộ tài nguyên và môi trường trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về BVMT.

- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. Ban quản lý các khu công nghiệp là cơ quan trực thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp đơn vị khu công nghiệp, tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đơn vị dự án thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp tỉnh trong khu công nghiệp; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái trong khu công nghiệp (Điều 37 khoản 2 điểm h, n).

- Quyết định số 1899/2006/QĐ-BCA ngày 29/11/2006 thành lập Cục cảnh sát môi trường trực thuộc Tổng cục cảnh sát để tổ chức điều tra hình sự và xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp

- Các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp **b. Đặc điểm về nội dung thực hiện:**

Về kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy thoái, sự cố ô nhiễm môi trường:

Bảo vệ môi trường là hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường, khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học [45, tr. 6].

Bảo vệ môi trường còn là tập hợp các biện pháp giữ gìn, bảo vệ, phục hồi, sử dụng hợp lý môi trường sinh học, môi trường sinh thái, nghiên cứu, thử nghiệm các thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ không có phế liệu nhằm tạo ra cuộc sống tối ưu cho con người. Theo khoản 6 điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 quy định: “ô nhiễm môi trường là sự biến đổi các thành phần môi trường không phù hợp với tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người, sinh vật” [45, tr.6].

Thông thường chất gây ô nhiễm là các chất thải là chất được loại ra trong sinh hoạt, trong quá trình sản xuất công nghiệp hoặc trong các hoạt động khác, chất thải có thể ở dạng rắn, khí, lỏng. Hầu hết các chất thải này là các chất gây ô nhiễm.

Chất gây ô nhiễm là chất hoặc yếu tố vật lý khi xuất hiện trong môi trường thì làm cho môi trường bị ô nhiễm.

Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác.

Mức độ ô nhiễm môi trường đối với thành phần môi trường cụ thể thường được xác định dựa vào mức vượt tiêu chuẩn chất lượng môi trường của các chất gây ô nhiễm có trong thành phần môi trường đó.

- Tiêu chuẩn môi trường: "là giới hạn cho phép của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, về hàm lượng của chất gây ô nhiễm trong chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định làm căn cứ để quản lý và bảo vệ môi trường" [45, tr. 6].

- Suy thoái môi trường: “là sự suy giảm về chất lượng của thành phần môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật” [45, tr.6].

- Sự cố môi trường: “ là tai biến hoặc rủi ro xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi thất thường của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái hoặc biến đổi môi trường nghiêm trọng” [45, tr.7].

Trong quá trình sản xuất ở các khu công nghiệp đã làm cho môi trường bị ô nhiễm, bị suy thoái và những sự cố môi trường ngày càng nghiêm trọng thì các cơ quan Nhà nước, các đơn vị kinh tế ở các khu công nghiệp phải có những hành động nhất định để khắc phục, xử lý không chế ô nhiễm. Đó chính là hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường. "Kiểm soát ô nhiễm môi trường là tổng hợp các hoạt động của Nhà nước của các tổ chức và cá nhân nhằm loại trừ, hạn chế những tác động xấu đối với môi trường; phòng ngừa ô nhiễm môi trường; khắc phục, xử lý hậu quả do ô nhiễm môi trường gây nên" [26, tr.67].

Từ đó chúng ta có thể rút ra hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp là tổng hợp các hoạt động của các cơ quan Nhà nước, các đơn vị kinh tế nhằm loại trừ, hạn chế những tác động xấu đối với môi trường; phòng ngừa ô nhiễm môi trường; khắc phục, xử lý hậu quả do ô nhiễm môi trường gây nên từ những hoạt động sản xuất ở các khu công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm không chỉ được thực hiện bằng các biện pháp mệnh lệnh - kiểm soát bằng các công cụ hành chính mà còn được thực hiện đồng bộ bằng các công cụ kinh tế, các biện pháp kỹ thuật, các giải pháp công nghệ, các yếu tố xã hội và yếu tố thị trường.

Về kiểm soát ô nhiễm không khí:

Ô nhiễm không khí là sự thay đổi tính chất không khí, vi phạm tiêu chuẩn không khí mà pháp luật đã quy định. Nói cách khác, ô nhiễm không khí là tình trạng không khí có xuất hiện chất lạ hoặc có sự biến đổi quan trọng trong thành phần không khí làm thay đổi tính chất lý, hoá vốn có của nó, vi phạm tiêu chuẩn môi trường do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, gây bất lợi cho con người và thiên nhiên. Ô nhiễm không khí đã được đề cập cách đây hàng thế kỷ song mãi đến thế kỷ XX đặc biệt một số thập kỷ gần đây, khi xảy ra, con người mới bắt đầu quan tâm hơn đến nó và đưa ra các biện pháp để phòng ngừa .

Trong quá trình tiến hành các hoạt động của mình, con người đã gây rất nhiều tác động tiêu cực cho môi trường nói chung và không khí nói riêng. Có thể kể đến hoạt động của con người như giao thông vận tải, sinh hoạt tiêu dùng và trong quá trình phát triển

các khu công nghiệp. Hoạt động ở các khu công nghiệp có thể coi là nguồn gây ô nhiễm không khí ở nước ta đang tăng lên mức báo động mà chủ yếu là do cơ sở sản xuất có thiết

bị lọc bụi, song lại hầu như chưa có thiết bị xử lý khí thải độc hại. Nói cách khác là chúng không đảm bảo được tiêu chuẩn về chất lượng môi trường nhất là khi quá trình đô thị hoá diễn ra, phạm vi các thành phố ngày càng mở rộng nên hiện nay phần lớn các khu công nghiệp cũ đều nằm trong nội thành của nhiều thành phố làm cho mức độ ô nhiễm không khí ngày càng gia tăng. Như vậy, không khí ở nước ta đã và đang bị ô nhiễm, suy thoái là do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có hoạt động ở các khu công nghiệp là nguồn gây ô nhiễm.

Việc xác định được nguồn gây ô nhiễm là điều quan trọng để ban hành các quy định để kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm này. Có thể nói trong các loại nguồn thải đã đề cập ở trên thì việc kiểm soát điều chỉnh hành vi của các đơn vị kinh tế đang hoạt động sản xuất, kinh doanh ở các khu công nghiệp là rất quan trọng. Chính vì vậy mà chương 5 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã quy định rất cụ thể để điều chỉnh đối tượng này. Khi tiến hành các hoạt động sản xuất ở các khu công nghiệp phải đảm bảo gây ô nhiễm không khí ở mức thấp nhất, các doanh nghiệp phải tuân thủ những nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định.

Khu công nghiệp phải có hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường và phải được vận hành thường xuyên. Bộ phận chuyên môn về Bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp có nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở dự án đầu tư bên trong khu công nghiệp; quản lý hệ thống xử lý khí thải, tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường, tổng hợp, xây dựng báo cáo môi trường và định kỳ báo cáo với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh. Thông qua hoạt động này, những biến đổi xấu với môi trường không khí sẽ thường xuyên được xem xét, đánh giá. (khoản 4 Điều 36 Luật bảo vệ môi trường năm 2005).

Về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước:

Nước là thành phần môi trường gắn với sự tồn tại, phát triển của con người cũng như sự sống của hành tinh. Hoạt động của con người có ảnh hưởng rất lớn tới chất lượng, trữ lượng nước đang dần bị cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước mà nguyên nhân chính là do hoạt động sản xuất, kinh doanh có đặc thù là sử dụng nguồn nước tập trung với lực lượng

lớn dẫn tới suy thoái, cạn kiệt nguồn ở những khu vực nhất định (nhất là cạn kiệt các mạch nước ngầm). Đặc biệt, hoạt động sản xuất ở các khu công nghiệp thải ra một lượng lớn nước thải (chứa các chất gây ô nhiễm môi trường) và các chất thải khác. Lượng nước thải và chất thải này thường chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, được thải trực tiếp vào các nguồn nước mặt, hoặc ngấm qua đất tới các mạch nước ngầm là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới tình trạng ô nhiễm nguồn nước ở nước ta hiện nay.

Bảo vệ tài nguyên nước là một lĩnh vực hoạt động bảo vệ môi trường, bao gồm các biện pháp về giữ gìn trữ lượng, chất lượng tài nguyên nước, phòng chống khắc phục các hậu quả tác hại cho nước gây ra. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm các nguồn nước đã quy định rõ các quyền và nghĩa vụ của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ phát triển nguồn nước để từ đó buộc cơ quan Nhà nước cũng như các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước.

Khu công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung và đạt tiêu chuẩn môi trường các doanh nghiệp sản xuất trong các khu công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ đạt tiêu chuẩn trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, hệ thống này phải được vận hành thường xuyên. Bộ phận chuyên môn về BVMT trong khu công nghiệp có nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về BVMT đối với các cơ sở, dự án đầu tư bên trong khu công nghiệp; quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung, tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường, tổng hợp, xây dựng báo cáo môi trường và định kỳ báo cáo cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

- Về kiểm soát chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn thông

thường:

Trong quá trình sản xuất, dù là sản xuất với công nghệ hiện đại nhất cũng không tránh khỏi việc thải ra các loại chất thải. Chất thải sản xuất là những thành phần do công nghệ thải ra mà không thể sử dụng lại được hoặc không muốn sử dụng lại.

Chất thải rắn nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc tố, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác. Chất thải rắn công nghiệp có thể phân thành chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn không nguy hại.

Chất thải rắn công nghiệp rất đa dạng từ cặn bùn thải, phế liệu đến các loại bao bì, rác thải độc hại,...

+ Chất thải rắn nguy hại là chất thải chứa các chất hoặc hợp chất có một trong các đặc tính gây nguy hại trực tiếp hoặc tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người. Nguồn gốc phát sinh trong sản xuất tập trung vào các ngành như: hoá chất, luyện kim, hoá dầu, sơn mạ, thuốc da, nhuộm...

+ Chất thải rắn không nguy hại là những chất thải không chứa hoặc chứa một lượng rất nhỏ các chất hoặc hợp chất có thể gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người.

Khu công nghiệp phải có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và đáp ứng cao yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các cơ sở sản xuất trong khu sản xuất. Bộ phận chuyên môn về BVMT trong khu công nghiệp có nhiệm vụ, quản lý hệ thống thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM):

Đánh giá tác động môi trường được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Xét dưới góc độ quản lý, nó được coi là biện pháp quản lý Nhà nước về môi trường, xét dưới góc độ khoa học, nó là những nghiên cứu về mối liên hệ, những tác động biện chứng giữa hoạt động phát triển và môi trường. Với tư cách là khái niệm pháp lý, ĐTM là các quan hệ pháp lý hình thành giữa cơ quan quản lý Nhà nước với các cơ quan, tổ chức đề xuất, thực hiện hoạt động phát triển trong việc khảo sát và đánh giá tác động của các hoạt động phát triển đó đối với các yếu tố môi trường cũng như các giải pháp giảm thiểu tác động đó.

ĐTM là định chế pháp lý, xét ở khía cạnh chủ quan của pháp lý thì ĐTM là các quy tắc xử sự mà các chủ thể cần phải thực hiện khi tiến hành dự án phát triển có khả năng tác động đến môi trường. Như vậy, bản chất pháp lý của ĐTM thể hiện ở chỗ nó

là nghĩa vụ pháp lý phát sinh từ yêu cầu của quản lý Nhà nước về BVMT, từ nghĩa vụ hiến định của tất cả cá nhân, tổ chức về BVMT. Bản chất này của ĐTM được thể hiện

ở những yêu cầu sau; bất kỳ tổ chức, cá nhân nào nếu thực hiện dự án có thể gây ảnh hưởng đến môi trường đều phải thực hiện việc phân tích và đánh giá môi trường gắn liền với chủ thể cụ thể, tức là chủ thể đề xuất dự án có nguy cơ gây ảnh hưởng đến môi trường. Đánh giá môi trường không phải là nghĩa vụ mang tính chất hình thức, tức không phải chỉ là điều kiện giấy tờ cần phải có cho việc phê duyệt dự án mà là nghĩa vụ mang tính nội dung. ĐTM cần được xem xét, cân nhắc một cách đầy đủ như các yếu tố vật chất khác của dự án, hoạt động. Theo khoản 20 điều 3 luật Bảo vệ môi trường "Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là việc phân tích, dự báo các tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó" [45, tr. 8].

Hoạt động đánh giá tác động môi trường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi vì nó giúp chúng ta xem xét nhiều vấn đề quan trọng, nhất là công nghệ xử lý nước thải, giảm thiểu tiêu cực tới môi trường và giám sát môi trường. Đánh giá môi trường góp phần giảm thiểu, hạn chế các tác động tiêu cực của dự án, hoạt động phát triển tới môi trường. Đánh giá môi trường góp phần ràng buộc trách nhiệm pháp lý của các chủ dự án, các cơ sở. Một trong những nội dung quan trọng của quá trình đánh giá môi trường đó là hoạt động giám sát sau dự án. Hoạt động này giúp cho cơ quan có thẩm quyền xem xét hoạt động của các cơ sở có vi phạm những gì mà họ đã cam kết trong báo cáo đánh giá môi trường đã được xét duyệt hay không.

Việc đánh giá môi trường được thực hiện dưới hình thức văn bản gọi là báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đây là văn bản quan trọng và sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt sẽ có ý nghĩa rất lớn, là cơ sở để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép triển khai thực hiện dự án; là cơ sở để xác định trách nhiệm của các chủ thể của dự án, trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước đối với những hậu quả mà dự án gây ra đối với môi trường, đặc biệt là cơ quan trực tiếp thẩm định báo cáo này.

Theo quy định tại điều 18 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 thì đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường là:

1. Chủ dự án sau đây phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:
 - a. Dự án công trình quan trọng quốc gia;
 - b. Dự án có sử dụng một phần diện tích đất hoặc có ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, các khu di tích lịch sử, văn hoá, di sản tự nhiên danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng.
 - c. Dự án có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến nguồn nước lưu vực sông, vùng ven biển, vùng có hệ sinh thái được bảo vệ;
 - d. Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, cụm làng nghề,
 - đ. Dự án xây dựng mới đô thị, khu dân cư tập trung;
 - e. Dự án khai thác, sử dụng nước dưới đất, tài nguyên thiên nhiên quy mô lớn.
 - g. Dự án khác có tiềm ẩn nguy cơ gây tác động xấu đến môi trường.
2. Chính phủ quy định danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Theo quy định tại điều 19 luật Bảo vệ môi trường quy định lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì:

1. Chủ dự án quy định tại điều 18 của luật này có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được lập đồng thời với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.
3. Chủ dự án tự mình hoặc tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm về các số liệu, kết quả nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Trường hợp có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian triển khai, thực hiện hoàn thành dự án thì chủ dự án có trách nhiệm giải trình với cơ quan phê duyệt, trường hợp cần thiết phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung.

5. Tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có đủ điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết [45, tr.19-20].

Với những quy định trên đây thì trách nhiệm đánh giá tác động môi trường không loại trừ chủ thể nào, đối với các chủ thể là chủ dự án được quy định tại điều 18 luật Bảo vệ môi trường năm 2005. Trách nhiệm tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án, UBND cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp (Điều 21 khoản 7 điểm C Luật BVMT).

Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận bản cam kết BVMT được uỷ quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận bản cam kết BVMT của các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

Ban quản lý có tổ chức, bộ phận chuyên môn về BVMT

Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được phê duyệt sau ngày 01/7/2006 thì phải được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận là đã thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung BVMT nêu trong quyết định phê duyệt và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được uỷ quyền có trách nhiệm phải báo cáo kết quả thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho cơ quan chuyên môn về BVMT cấp tỉnh, kết quả xác nhận bản cam kết BVMT cho cơ quan chuyên môn về BVMT cấp huyện nơi có khu kinh tế, khu công

nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (Điều 1 khoản 8 ND số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/2/2008 của Chính phủ).

Ngoài ra pháp luật còn có những quy định về việc cam kết BVMT. Trách nhiệm tổ chức đăng ký bản cam kết BVMT thuộc về UBND cấp huyện, trường hợp cần thiết, UBND cấp huyện có thể uỷ quyền cho UBND cấp xã đăng ký. Thời hạn chấp nhận bản cam kết BVMT là không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản cam kết môi trường hợp lệ. Các đối tượng này chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi đã đăng ký bản cam kết BVMT.

Giải quyết tranh chấp môi trường và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT.

Tranh chấp môi trường là những xung đột giữa các tổ chức, cá nhân, các cộng đồng dân cư về quyền và lợi ích liên quan đến việc phòng ngừa và khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, về việc khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và môi trường, về quyền được sống trong môi trường trong lành và quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản do làm ô nhiễm môi trường gây nên [26, tr.48].

Với định nghĩa nêu trên, tranh chấp trong lĩnh vực BVMT có thể được nhận biết qua một số dạng chủ yếu sau:

Tranh chấp giữa các tổ chức, cá nhân, các nhà đầu tư, các nhà sản xuất trong việc khai thác, sử dụng chung các nguồn tài nguyên và các yếu tố môi trường.

Tranh chấp giữa các cá nhân, cộng đồng dân cư với các tổ chức, cá nhân khác về việc đòi bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây nên. Tranh chấp nảy sinh trong quá trình tiến hành các dự án phát triển gây ảnh hưởng hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến các yếu tố môi trường thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của các chủ thể khác. Khi có tranh chấp xảy ra các bên có thể tiến hành giải quyết tranh chấp môi trường theo phương thức thương lượng, hoà giải hoặc giải quyết tranh chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khác với các lĩnh vực dân sự kinh tế hay lao động trong lĩnh vực BVMT tranh chấp có thể được giải quyết theo thủ tục hành chính và thủ tục tư pháp. Tranh chấp môi trường có thể được giải quyết bằng thủ tục hành chính vì đối tượng của tranh chấp môi trường luôn có quan hệ mật thiết với những lợi ích công cộng được Nhà nước bảo

vệ. Các chủ thể này trước tiên phải là người có trách nhiệm thay mặt Nhà nước xử lý các hành vi gây hại môi trường, điều hoà lợi ích xung đột giữa các bên.

Mặc dù thủ tục hành chính được áp dụng khá phổ biến trong giải quyết tranh chấp môi trường, nhưng điều đó không có nghĩa là thủ tục tư pháp không coi trọng việc giải quyết tranh chấp môi trường còn có thể giải quyết theo thủ tục tư pháp. Xuất phát từ chế độ sở hữu toàn dân đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên nên quan hệ giữa Nhà nước với tổ chức, cá nhân thực chất là quan hệ giữa đại diện sở hữu chủ với người khai thác; tác động đến các đối tượng thuộc sở hữu chung. Khi các thành phần môi trường bị xâm hại thì Nhà nước sẽ chỉ đóng vai trò là người đại diện cho lợi ích công đòi khôi phục lại chất lượng môi trường đã bị xâm hại. Trong trường hợp này, mối quan hệ giữa Nhà nước với bên gây hại cho môi trường chỉ đơn thuần là quan hệ giữa hai bên đương sự, trong đó Nhà nước là đại diện cho bên bị hại.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường:

Trong những năm qua Việt Nam đã ký kết, tham gia và phê chuẩn các điều ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm môi trường, cụ thể là: Công ước Viên về bảo vệ tầng ôzôn; Nghị định thư Montreal về các chất suy giảm tầng ôzôn; Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; Công ước Mapol 73/78 về ngăn chặn ô nhiễm biển do tàu gây ra; Công ước Luật biển 1982; Công ước về kiểm soát và vận chuyển xuyên biên giới các chất thải nguy hiểm và việc tiêu huỷ chúng BASEL 1989...Việc tham gia các công ước này thể hiện chính sách mở cửa của Việt Nam trong hợp tác quốc tế nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm toàn cầu. Các công ước mà Việt Nam tham gia ký kết đã tạo ra khuôn khổ pháp lý quốc tế quan trọng cho sự hợp tác trên những lĩnh vực khác nhau giữa Việt Nam với các nước khác trên thế giới nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường của Việt Nam cũng như toàn cầu. Việc tham gia các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm và quá trình tiến khai thực thi các nghĩa vụ này thúc đẩy hoạt động xây dựng pháp luật môi trường, xây dựng hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về môi trường... từ đó cải thiện môi trường hoạt động bảo vệ môi trường quốc gia.

c. Đặc điểm về hình thức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu

công nghiệp

Hình thức thực hiện pháp luật là cách thức mà các chủ thể tiến hành các hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống. Các qui phạm pháp luật môi trường có số lượng rất lớn với nhiều nội dung phong phú. Vì thế, hình thức thể hiện pháp luật về bảo vệ môi trường cũng rất đa dạng. Căn cứ vào tính chất của hoạt động, có thể xác định thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường bao gồm các hình thức: tuân theo pháp luật, chấp hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: là hình thức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không thực hiện những quy định cấm của pháp luật môi trường. Trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và nguy cơ trong sinh hoạt hàng ngày các đơn vị kinh tế (các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp) đều tác động khai thác và sử dụng đến thành phần môi trường. Nếu như những chủ thể này do vô tình hay cố tình tác động một cách quá mức đến môi trường làm cho môi trường của chúng ta bị huỷ hoại, ô nhiễm gây ra các sự cố môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng, các hoạt động không chỉ đối với chủ thể có hành vi vi phạm mà còn gây ảnh hưởng đến cá nhân, tổ chức và các chủ thể khác trong xã hội.

Để bảo đảm môi trường được bảo vệ phát triển bền vững cho thế hệ hiện tại và cả thế hệ sau này, những yêu cầu chủ thể pháp luật phải luôn luôn tự kiểm chế mình một cách, chủ động và tự giác trong mọi điều kiện, hoàn cảnh tình huống luật định mà bản thân mình đang gặp phải để không thực hiện những hành vi pháp luật ngăn cấm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Điều 7 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 có quy định những hành vi bị nghiêm cấm; chôn lấp chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng nơi quy định và quy trình kỹ thuật về BVMT; thải chất thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước, thải khói bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí; phát tán bức xạ, phóng xạ, các chất ion hoá vượt tiêu chuẩn môi trường cho phép. Với các quy định này đòi hỏi các doanh nghiệp, các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp không được thực hiện những hành vi nêu trên. Việc các chủ thể đó kiểm chế không thực hiện những hành vi trên là biểu hiện của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Nếu trong trường hợp

có những doanh nghiệp vi phạm những quy định trên thì họ sẽ bị áp dụng những chế tài nhất định đối với hành vi vi phạm của mình. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự cùng với nghĩa vụ bắt buộc là phải khắc phục các biện pháp ô nhiễm, phục hồi lại hiện trạng môi trường.

Thi hành (chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường): là một hình thức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó các chủ thể pháp luật tự thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng hành động tích cực. Bên cạnh việc đề ra các quy định mang tính ngăn cấm nhằm hạn chế những hành vi gây ô nhiễm môi trường, pháp luật còn có những quy định mang tính bắt buộc thể hiện ở những nghĩa vụ của các chủ thể trong quá trình khai thác, sử dụng các thành phần môi trường.

Pháp luật quy định nước thải của khu công nghiệp phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường và được vận hành thường xuyên; có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và đáp ứng yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các cơ sở trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. Trong khoản 1 điều 113 Luật Bảo vệ môi trường có quy định "Tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc có hoạt động làm phát sinh nguồn tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường" [45]. Với những quy định đã nêu trên, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp ở trong các trường hợp đó, nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ nộp phí bảo vệ môi trường. Như vậy, bằng hành động tích cực trong khi thực hiện các nghĩa vụ của mình các chủ thể đã tích cực thực hiện các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Sử dụng pháp luật về bảo vệ môi trường: là hình thức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó các chủ thể sử dụng các quyền về bảo vệ môi trường để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hình thức này khác với hình thức tuân thủ pháp luật và thi hành pháp luật ở chỗ có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí. Điều 128 khoản 1 luật BVMT năm 2005 có quy định: "Tổ chức, cá nhân có

quyền khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khởi kiện tại Toà án về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình".

Như vậy, pháp luật cho phép các chủ thể pháp luật có quyền khiếu nại với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Nhưng họ có thể không thực hiện các quyền này của mình nếu họ cảm thấy không cần thiết.

Pháp luật tác động vào các quan hệ xã hội, có thực sự đi vào cuộc sống đạt hiệu quả cao khi tất cả những quy định của nó đều được thực hiện chính xác, triệt để. Nhưng nếu chỉ thông qua các hình thức tuân theo, thi hành và sử dụng pháp luật thì sẽ có nhiều các quy phạm pháp luật không thể thực hiện, Bởi nó còn tùy thuộc vào sự nhận thức, ý thức chấp hành của các chủ thể thực hiện pháp luật, hoặc họ không đủ khả năng thực hiện nếu thiếu sự tham gia của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Khi đó cần phải có hoạt động áp dụng pháp luật.

Trong lĩnh vực pháp luật môi trường cũng vậy, muốn các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện triệt để thì cũng cần phải thể hiện bằng hình thức áp dụng pháp luật.

Áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường: là việc Nhà nước thông qua hoặc nhà chức trách có thẩm quyền tổ chức cho các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật thực hiện các quy định của pháp luật có sự can thiệp của Nhà nước.

Áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường cần được tiến hành trong các trường hợp khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế Nhà nước, đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như trong trường hợp một chủ thể nào đó xả thải những chất thải độc hại, chất thải công nghiệp chưa qua xử lý làm ô nhiễm môi trường. Áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường còn được thực hiện trong trường hợp khi các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể không mặc nhiên phát sinh, thay đổi hay chấm dứt mà phải có sự can thiệp của Nhà nước. Ví dụ: Trong trường hợp chủ dự án tiến hành các dự án phát triển thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Khi đó các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đưa ra quyết định phê

chuẩn báo cáo ĐTM, là điều kiện bắt buộc để chủ dự án được cấp phép đầu tư, xây dựng và đưa dự án vào hoạt động trên thực tế.

Áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường được tiến hành khi xảy ra các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể mà các bên không thể tự giải quyết được như trong trường hợp người dân khiếu nại với cơ quan Nhà nước về hành vi xả thải những chất thải công nghiệp, chưa qua xử lý, gây ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Hoạt động áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường cần phải tiến hành trong trường hợp khi các cơ quan Nhà nước cần kiểm tra, giám sát hoạt động của các chủ thể trong quá trình các chủ thể này khai thác, sử dụng, các thành phần môi trường mà ở đây phải kể đến vai trò của Thanh tra bảo vệ môi trường, của các cơ quan chuyên môn về môi trường.

Áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động thực hiện pháp luật của các cơ quan Nhà nước. Nó vừa là một hình thức thực hiện pháp luật, vừa là cách thức Nhà nước tổ chức cho các chủ thể thực hiện pháp luật nên hoạt động này luôn thể hiện quyền lực Nhà nước, có nghĩa là hoạt động này chỉ do những cơ quan Nhà nước hay những nhà chức trách có thẩm quyền tiến hành. Hoạt động này chủ yếu được tiến hành theo ý chí đơn phương của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không phục thuộc vào ý chí của chủ thể bị áp dụng pháp luật. Một điều quan trọng trong hoạt động này là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền lựa chọn các quy phạm pháp luật, ra các văn bản áp dụng pháp luật một cách kịp thời, chính xác và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Cần phải tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc thi hành các quyết định áp dụng pháp luật này. Đây có thể được coi là một trong những đảm bảo quan trọng để các văn bản áp dụng pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện trong thực tế.

Như vậy, thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp được thực hiện thông qua bốn hình thức: tuân theo pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật. Tuy nhiên hình thức áp dụng pháp luật có sự khác biệt với các hình thức tuân thủ pháp luật thi hành, pháp luật và sử dụng pháp luật. Sự khác biệt này

thể hiện ở chỗ, nếu như tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và sử dụng pháp luật là những hình thức mà mọi chủ thể thực hiện pháp luật đều có thể thực hiện thì áp dụng

pháp luật là hình thức luôn có sự tham gia của Nhà nước, thông qua các cơ quan Nhà nước hoặc nhà chức trách có thẩm quyền.

1.2. YÊU CẦU VÀ CÁC YẾU TỐ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1.2.1. Yêu cầu thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường chính là thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Các nội dung quy định của pháp luật nhằm thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước, nhu cầu khách quan của xã hội được phản ánh thông qua pháp luật.

Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường không chỉ là việc Nhà nước xây dựng được một hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường đầy đủ, mà điều quan trọng hơn cả là pháp luật về bảo vệ môi trường có được chủ đầu tư cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tôn trọng và chấp hành một cách nghiêm chỉnh và triệt để, pháp luật về bảo vệ môi trường phải đi vào cuộc sống và phải biến thành hành động của các cơ quan Nhà nước, các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Nhà nước phải xây dựng và ban hành nhiều văn bản pháp luật để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội đó. Thực tiễn cho thấy có rất nhiều văn bản pháp luật phát huy tác dụng tốt, đem lại hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý, nhưng vẫn không còn ít văn bản luật chưa phát huy được hiệu lực thi hành, không mang lại hiệu quả như mong muốn. Mặt tồn tại đó có rất nhiều nguyên nhân. Trong đó là nguyên nhân do chưa tổ chức tốt việc thực hiện pháp luật. Vì vậy, thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là đòi hỏi thực hiện nhiều biện pháp bảo đảm pháp luật được thực thi trong đời sống thực tiễn.

Để pháp luật phát huy hiệu lực, đạt hiệu quả trong quá trình điều chỉnh các quan hệ xã hội, thì Nhà nước ngoài việc tạo lập môi trường chính trị, xã hội thuận lợi, nâng cao trình độ pháp lý cho cán bộ quản lý về môi trường và các doanh nghiệp, xây dựng và

hoàn thiện hệ thống pháp luật đòi hỏi phải xác lập cơ chế thực hiện pháp luật một cách có hiệu quả.

Như vậy, thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là một nội dung có vai trò đặc biệt quan trọng trong toàn bộ các hoạt động về thực hiện pháp luật nói chung. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là hoạt động đưa pháp luật về bảo vệ môi trường vào cuộc sống, biến những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thành những hành vi, xử sự thực tế, hợp pháp của các chủ thể thực hiện pháp luật trong thực tiễn. Nếu không có tổ chức tốt việc thực hiện pháp luật thì ý chí của Nhà nước sẽ không đi vào đời sống thực tiễn, pháp luật sẽ không phát huy được hiệu lực, sẽ không đạt hiệu quả trong điều chỉnh các quan hệ xã hội.

1.2.2. Các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

1.2.2.1. Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường

Hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường hoàn thiện thống nhất sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật ở các khu công nghiệp có hiệu quả. Bởi vì, hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, tạo cơ sở về mặt pháp lý cho việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.

Thực tế cho thấy việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp khó có thể đạt như kết quả mong muốn, nếu như không có một cơ sở pháp lý vững chắc, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là hệ thống pháp luật văn bản quy phạm pháp luật bảo vệ môi trường được xây dựng thống nhất từ trên xuống dưới từ hiến pháp đến luật, đặc biệt là Luật bảo vệ môi trường và những văn bản có liên quan đến hoạt động của các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, kể cả văn bản của UBND các cấp về bảo vệ môi trường. Hệ thống pháp luật hoàn thiện đồng bộ và hiện đại là bảo đảm về mặt pháp lý cho việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Để đáp ứng được yêu cầu đó cần phải tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp xúc với các dự thảo môi

trường, tham gia thảo luận đóng góp ý kiến.... góp phần nâng cao ý thức tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước về môi trường. Sau khi ban hành các văn

bản quy phạm pháp luật bảo vệ môi trường phải có các hoạt động tuyên truyền, giáo dục trên nhiều kênh thông tin khác nhau để nội dung của các quy phạm này đến được với tất cả các doanh nghiệp.

Tuy nhiên thực tế cho thấy hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập. Nhiều quy định còn thiếu hoặc một số vấn đề chưa được quy định cụ thể như: Hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia chưa đầy đủ, Việt Nam chưa có tiêu chuẩn giới hạn tối đa cho phép về ô nhiễm mùi.

Các quy định về kiểm soát ô nhiễm không khí hiện nay, còn thiếu, chưa tập trung và hiệu quả điều chỉnh chưa cao "Cho đến nay Việt Nam vẫn chưa có một văn bản pháp luật nào điều chỉnh riêng cho lĩnh vực này" [26, tr.173].

Bên cạnh đó một vấn đề cần đề cập đến là pháp luật về bảo vệ môi trường Việt Nam không có quy định về việc áp dụng hồi tố. Thực tế này làm cho việc gây ô nhiễm môi trường trở nên phổ biến hơn. Không ít khu vực sông hồ bị ô nhiễm nặng trở thành các khu vực "Chết", các sông "Chết" nhưng không xác định được, cá nhân hay doanh nghiệp nào phải chịu trách nhiệm pháp lý, dẫn đến việc truy cứu rất khó trên thực tế và pháp lý.

Hiện nay nước ta chưa ban hành thuế bảo vệ môi trường, kiểm toán môi trường, chưa quy định cụ thể chi tiết chế định bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường.

1.2.2.2. Ý thức pháp luật của các chủ thể thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Ý thức pháp luật cũng là một yếu tố bảo đảm hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Bởi ý thức pháp luật là sự phản ánh một cách tích cực và sáng tạo đời sống xã hội mà trực tiếp là đời sống pháp luật không đồng nhất với pháp luật, đời sống pháp luật là tổng thể các hiện tượng pháp luật như hệ thống các văn bản pháp luật, tình trạng pháp chế, văn hoá pháp lý, hoạt động tổ chức thi hành và áp

dụng pháp luật, thái độ của người dân đối với pháp luật, các tài liệu, sách báo về pháp luật...

Các hiện tượng trên lặp đi lặp lại thường xuyên phổ biến trong đời sống xã hội được phản ánh thông qua bộ não con người một cách tích cực và sáng tạo hình thành lên

ý thức pháp luật. Nhờ sự phản ánh và thông qua sự phản ánh này mà con người có được thông tin, sự hiểu biết về thái độ của nhà nước, của xã hội đối với các sự kiện pháp luật và các hiện tượng pháp luật. Từ đó mà hình thành khái niệm, quan điểm, tư tưởng, và niềm tin đối với pháp luật. Thông qua ý thức pháp luật giúp con người tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với pháp luật.

Thực tế đã chứng minh cho chúng ta thấy ở nơi nào, ý thức pháp luật của chủ thể pháp luật cao thì hiệu quả thực hiện pháp luật nói chung rất cao và ngược lại ở những địa phương trong những thời kỳ mà ý thức pháp luật của những cá nhân, tổ chức chưa được nâng cao thì hiệu quả thực hiện pháp luật rất thấp. Việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp cũng như vậy, khi ý thức pháp luật của các doanh nghiệp về pháp luật bảo vệ môi trường chưa đầy đủ thì hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra nhiều hơn với mức độ nghiêm trọng hơn. Do vậy, dù pháp luật về bảo vệ môi trường được xây dựng hoàn chỉnh và đầy đủ đến đâu đi chăng nữa cũng sẽ không được thực hiện nghiêm chỉnh nếu ý thức của các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước không đầy đủ. Đối với các doanh nghiệp ý thức pháp luật của họ được thể hiện ở chỗ họ nhận thức được đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Họ có quyền tác động, được sử dụng một hoặc nhiều thành phần môi trường. Ví dụ: sử dụng nước để xây dựng nhà xưởng, nước để phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất... đồng thời họ phải thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường, không được thực hiện những hành vi bị pháp luật cấm như: không được thải chất thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường, các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước, thải khói, bụi khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí, phún tán bức xạ, phóng xạ, các chất ion hoá vượt quá tiêu chuẩn môi trường cho phép...

Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý, thanh tra, kiểm tra, điều tra và xử lý trong lĩnh vực môi trường cũng được pháp luật quy định những quyền và nghĩa vụ cụ thể.

Đối với việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp thì việc các doanh nghiệp nắm được các thông tin, hiểu biết về các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường để có được thái độ đúng đắn trong việc khai thác, sử dụng các thành phần môi trường là yếu tố đảm bảo quan trọng cho việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có hiệu quả.

1.2.2.3. Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức quản lý môi trường và cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Một trong những yếu tố bảo đảm quan trọng để thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp đó là trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức có chức năng quản lý, kiểm tra, điều tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Mặc dù trong những năm gần đây đội ngũ cán bộ, công chức trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cũng được quan tâm và trình độ ngày càng nâng cao, song chưa đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn về bảo vệ môi trường cũng như để đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Trên thực tế có không ít cán bộ hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhưng trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của công việc. Theo quy định tại Nghị định số 21/2008/CP ngày 28/2/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Việc tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được uỷ quyền cho Ban quản lý các khu công nghiệp, nhưng thực tế hầu như không được thực hiện. Bởi vì, Ban quản lý các khu công nghiệp thiếu đội ngũ cán bộ có năng lực chuyên môn về môi trường.

Trên thực tế pháp luật về bảo vệ môi trường muốn được thực hiện trong các khu công nghiệp đòi hỏi phải có chi phí rất lớn về sức người và các trang bị vật chất, kỹ thuật. Trong trường hợp muốn đánh giá thực trạng môi trường được chính xác, để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự đầu tư rất lớn về kinh phí. Đối với các khu công nghiệp phải

có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại. Ngoài ra phải có hệ thống quan trắc môi trường, đánh giá hiện trạng môi trường

đất nước, không khí và các tác động xấu đến môi trường. Để trang bị hệ thống này đòi hỏi phải đầu tư hàng trăm triệu đồng cho hoạt động quan trắc. Do đó việc đầu tư hệ thống quan trắc này đòi hỏi kinh phí rất tốn kém mà không phải khu công nghiệp nào cũng có đủ khả năng trang bị hệ thống này.

Như vậy việc đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có hiệu quả.

1.3. VAI TRÒ CỦA VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1.3.1. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường nhằm đưa pháp luật bảo vệ môi trường vào đời sống, góp phần phòng ngừa và hạn chế vi phạm pháp luật về môi trường

Để bảo vệ môi trường, nhằm thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững của đất nước thì thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có một vai trò đặc biệt quan trọng, bởi nó góp phần ngăn ngừa và hạn chế các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Pháp luật phải là cơ sở của việc tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Pháp luật phải là công cụ giữ gìn trật tự kỷ cương của xã hội. Đường lối, quan điểm của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước, phải được phản ánh thông qua hệ thống pháp luật. Quản lý nhà nước bằng pháp luật nhưng vấn đề cơ bản không chỉ là Nhà nước xây dựng một hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường hoàn chỉnh và đầy đủ, mà điều quan trọng hơn cả là pháp luật của Nhà nước phải được mọi thành viên trong xã hội tôn trọng và chấp hành một cách nghiêm chỉnh và triệt để. Do đó, việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, muốn phát huy hết tác dụng, vai trò của pháp luật thì đòi hỏi pháp luật về bảo vệ môi trường phải trở thành hành vi, những xử sự thực tế của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, các cơ quan Nhà nước trong cuộc sống hàng ngày. Qua quá trình thực hiện pháp luật của các chủ thể này thì các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường phát huy tác

dụng không chỉ đối với chính chủ thể thực hiện pháp luật mà còn có tác dụng điều chỉnh đối với các chủ thể khác. Khi đã nắm được nội dung của các quy phạm pháp luật thì các

chủ thể sẽ biết được quyền và nghĩa vụ của mình nên sẽ thực hiện những hành vi trong khuôn khổ pháp luật và khi đó tình trạng vi phạm pháp luật cùng được ngăn chặn và hạn chế, ý thức pháp luật dần được nâng lên. Như vậy có thể khẳng định rằng, thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có vai trò quan trọng đặc biệt nhằm đưa pháp luật vào cuộc sống, biến những quy định của pháp luật thành những hành vi, xử sự thực tế, hợp pháp của doanh nghiệp, các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cơ quan Nhà nước trong thực tiễn xã hội.

1.3.2. Đảm bảo quyền con người được sống trong môi trường trong lành

Môi trường là nơi cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết cho sự sống và hoạt động sản xuất của con người. Trong quá trình sản xuất công nghiệp: chế biến chế tạo tài nguyên thiên nhiên không thể tránh được việc thải các chất thải độc hại vào môi trường như chất khí CO, CO₂, H₂S, NH₃... Nước thải sản xuất công nghiệp có chứa hợp chất hữu cơ, vô cơ, kim loại nặng... được đổ ra sông suối biển làm ô nhiễm nguồn nước. Do đó bảo vệ môi trường là nhân tố bảo đảm sức khỏe và chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta.

Tuyên bố của Liên hiệp quốc về Môi trường đã đưa quyền của con người được sống trong môi trường trong lành thành một nguyên tắc của quan hệ giữa các quốc gia. Tuyên bố Stockholm nêu rõ: "Con người có quyền cơ bản được sống trong một môi trường chất lượng, cho phép cuộc sống có phẩm giá và phúc lợi mà con người có trách nhiệm long trọng bảo vệ, cải thiện cho thế hệ hôm nay và mai sau" [11, tr.11]. Tuyên bố Rio de Janeiro cũng khẳng định: "Con người là trung tâm của các mối quan hệ về sự phát triển lâu dài. Con người có quyền được hưởng một cuộc sống hữu ích, lành mạnh và hài hoà với thiên nhiên" [11, tr.31]. Việt Nam đã ký hai công ước này, trách nhiệm của Nhà nước Việt Nam là phải biến quyền được sống trong môi trường trong lành thành những nguyên tắc pháp lý và đảm bảo việc thực hiện nó trên thực tế. Việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là một đảm bảo chắc chắn cho quyền này được thực hiện trên thực tế. Thực hiện pháp luật về môi trường ở các khu công nghiệp nhằm làm cho pháp luật đi vào cuộc sống trở thành hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật

nhằm phát huy tính tích cực chủ động trong thực hiện pháp luật, ngăn ngừa và xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật nhằm đảm bảo con người được sống trong môi trường trong lành và đảm bảo phát triển bền vững. Khi các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đi vào thực tế cuộc sống thì các chủ thể sẽ biết được quyền và nghĩa vụ của mình và từ đó họ tự điều chỉnh hành vi của mình, môi trường sẽ được bảo vệ trong lành hơn, cuộc sống của con người được đảm bảo cả về mặt pháp lý, sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

1.3.3. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường bảo đảm sự phát triển bền vững

Để thoả mãn những nhu cầu kinh tế - xã hội ngày càng tăng của mình, con người đã tìm mọi cách tăng trưởng kinh tế thật nhanh. Một trong những cách thức làm cho kinh tế tăng trưởng nhanh nhất và tiêu tốn ít vốn nhất là tập trung khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Hậu quả tất yếu của sự chạy theo mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, một mặt đẩy nền kinh tế thế giới phát triển nhanh chưa từng thấy từ giữa thế kỷ XX đến nay, mặt khác đã làm cho nạn cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường sống, đe dọa sự sống và sự tồn vong của xã hội loài người, vấn đề phát triển bền vững xã hội được đặt ra trong các Hội nghị thượng đỉnh của Liên hiệp quốc về môi trường và phát triển vào năm 1992 ở Rio de Janeiro (Braxin) và năm 2002 tại Johannes Burg (Nam Phi). Trong tuyên bố Rio de Janeiro tại nguyên tắc số 4 nêu rõ: "Để thực hiện được sự phát triển bền vững, sự bảo vệ môi trường nhất thiết sẽ là bộ phận cấu thành của quá trình phát triển và không thể xem xét tách rời quá trình đó [11, tr.12].

Thực chất của phát triển bền vững là quá trình phát triển kinh tế - xã hội một cách lành mạnh, dựa trên việc sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên kết hợp với bảo vệ môi trường. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: "Phát triển nhanh hiệu quả và bền vững. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường" [23]. Quan điểm phát triển bền vững được tiếp tục thể hiện trong Nghị quyết 41/NQ-TW ngày 15/11/2004 về tăng cường bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá:

Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ bảo vệ môi trường. Đầu tư cho môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững [7].

Theo quy định tại khoản 4 điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2005 thì "phát triển bền vững là phát triển đáp ứng được nhu cầu của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, đảm bảo tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường" [45, tr.7].

Trong mỗi quốc gia để đảm bảo phát triển bền vững đòi hỏi phải: coi các biện pháp bảo vệ môi trường là yếu tố cấu thành trong các chiến lược hoặc các chính sách phát triển kinh tế của đất nước, của địa phương, của vùng và của từng tổ chức; cần tạo ra bộ máy và cơ chế quản lý có hiệu quả để có thể tránh được tham nhũng và lãng phí các nguồn lực, nhất là các nguồn tài nguyên thiên nhiên; hoàn thiện quá trình quyết định chính sách và tăng cường tính công khai của các quá trình đó đảm bảo cho các quyết định, chính sách ban hành nhằm vào sự phát triển bền vững, các dự án đầu tư phải coi đánh giá tác động môi trường như là một bộ phận cấu thành của dự án.

Như vậy, rõ ràng cần phải có quan điểm đúng đắn trong khi tăng trưởng và phát triển kinh tế thì cần phải kết hợp bảo vệ môi trường. Điều tất yếu khi tiến hành sản xuất ở các khu công nghiệp sẽ không tránh khỏi chất thải công nghiệp đổ vào môi trường rất nhiều. Vấn đề đặt ra là cần phải xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu công nghiệp như thế nào, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ chất lượng cao và thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội hiện tại, nhưng đồng thời vẫn đảm bảo phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bằng cách giảm thiểu tới mức thấp nhất các tác động tiêu cực do phát triển của các khu công nghiệp tới môi trường.

Như vậy, việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có vai trò to lớn trong chiến lược phát triển bền vững. Khi các chủ thể hiểu được các quy

định pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện các quy định đó có nghĩa là họ đã góp phần vào việc đảm bảo phát triển bền vững, đảm bảo sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và

môi trường, đáp ứng nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội loài người.

Kết luận chương 1

Thực hiện pháp luật về BVMT ở các KCN là toàn bộ những hành vi (hành động hoặc không hành động), những phương thức xử sự của các chủ thể pháp luật nhằm thực hiện pháp luật về BVMT. Pháp luật về BVMT là công cụ chủ yếu để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong hoạt động BVMT. Thực hiện pháp luật về BVMT ở các KCN là quản lý, bảo vệ, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nhằm bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ quyền con người được sống trong môi trường trong lành gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội, để phát triển bền vững đất nước, góp phần BVMT khu vực và toàn cầu.

Thực hiện pháp luật về BVMT ở các KCN đòi hỏi thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để hạn chế những tác động tiêu cực và phát huy những yếu tố tích cực để việc thực hiện pháp luật môi trường đạt hiệu quả trong đời sống thực tiễn. Do vậy, nắm chắc được vị trí, vai trò đặc trưng cũng như những yếu tố tác động đến việc thực hiện pháp luật về BVMT ở các KCN là cơ sở lý luận để nghiên cứu và đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về BVMT ở các KCN, từ đó nêu giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về BVMT ở các KCN tỉnh Hải Dương.

Chương 2

Thực trạng khu công nghiệp và thực hiện pháp luật VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI VÀ THỰC TRẠNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP Ở TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương

Hải Dương là tỉnh nằm ở trung tâm của Đồng bằng Bắc Bộ, tiếp giáp với 6 tỉnh: Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên. Trên địa bàn tỉnh có nhiều trục đường giao thông quốc gia quan trọng chạy qua. Thành phố Hải Dương-

trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, khoa học kỹ thuật của tỉnh nằm trên trục quốc lộ 5, cách thủ đô Hà Nội 57 km về phía tây, cách thành phố cảng Hải Phòng 45 km về phía đông.

Là một trong 8 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ, nằm ở vị trí có nhiều hướng tác động mang tính liên vùng, Hải Dương có vai trò làm cầu nối thủ đô Hà Nội với thành phố cảng Hải Phòng, thành phố du lịch Hạ Long, cung cấp sản phẩm hàng hoá quan trọng và là địa bàn tham gia quá trình trung chuyển hàng hoá giữa hệ thống cảng biển và các tỉnh, thành phố trong vùng, trong nước. Do vậy, Hải Dương vừa có cơ hội tạo động lực phát triển, vừa phải đối mặt với các thách thức trong cạnh tranh.

Tỉnh Hải Dương được chia làm hai vùng chính, vùng đồi núi chiếm khoảng 11% diện tích đất tự nhiên, gồm 13 xã thuộc huyện Chí Linh và 18 xã thuộc huyện Kinh Môn. Vùng này chủ yếu là đồi, núi thấp phù hợp với xây dựng các cơ sở công nghiệp, du lịch và trồng cây ăn quả, cây lấy gỗ. Vùng đồng bằng gồm các huyện, xã còn lại có độ cao trung bình 3-4 m, đất đai bằng phẳng, màu mỡ phù hợp với việc trồng cây lương thực, thực phẩm, cây ngắn ngày và xây dựng các cơ sở công nghiệp.

Hải Dương có hệ thống sông ngòi dày đặc, diện tích khoảng 10.994 ha, chiếm 6,6% diện tích tự nhiên của tỉnh. Có các sông lớn như Thái Bình, sông Luộc, sông Kinh Thầy, sông Lai Vu... Ngoài ra, còn có hệ thống thuỷ nông Bắc- Hưng- Hải. Hệ thống sông ngòi của tỉnh thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, phát triển vận tải đường thuỷ: vận tải hàng hoá từ các tỉnh phía bắc lưu thông với đường biển.

Dân số trung bình tỉnh Hải Dương là 1.711,5 ngàn người, tỷ suất tăng dân số tự nhiên 9,96‰ phân bố ở nông thôn tỷ lệ khá cao 84,4% với số dân là 1.445,1 ngàn người. Dân số thành thị tuy hàng năm có tăng nhưng vẫn chiếm tỷ lệ thấp 15,6%. Tuy vậy, tỷ trọng dân số thành thị của Hải Dương vẫn cao hơn so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng Bắc Bộ. Hải Dương là tỉnh có cơ cấu dân số trẻ, năm 2008 dân số trong độ tuổi lao động chiếm 62% tổng dân số.

Với 62% số dân trong độ tuổi lao động, Hải Dương có 1.063,8 ngàn người trong độ tuổi lao động, lao động đang làm việc ở các ngành là 962.836 người, trong đó một số ngành chủ yếu như: nông, lâm, thủy sản 679.490 người, (chiếm 70,6%); công nghiệp

126.237 người (chiếm 13,1%); dịch vụ 157.109 người, (chiếm 16,3%). Lao động làm việc trong ngành công nghiệp hàng năm đang có xu hướng tăng khá, nếu tính cả lao động làm việc thời vụ thì lao động công nghiệp là 140.000 người... Nguồn lao động trong tỉnh dồi dào nhưng phần lớn là lao động phổ thông, tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp (khoảng 25%), năng suất lao động chưa cao. Lao động có tay nghề, có kỹ năng giỏi, cán bộ có trình độ đại học, nhất là cán bộ quản lý công nghiệp còn ít.

Tổng diện tích đất hành chính tỉnh Hải Dương là 165.185 ha, chia ra:

Đất nông nghiệp: 109.316 ha bằng 6,2% tổng diện tích hành chính, và đang giảm dần. Trong đó, đất sản xuất nông nghiệp 91.915 ha, chiếm 55,6% tổng diện tích. Đất lâm nghiệp 8.859 ha bằng 5,4% tổng diện tích. Đất nuôi trồng thủy sản 8.542 ha, chiếm 5,2% diện tích.

Đất phi nông nghiệp: 55.084 ha, chiếm 33,3%. Trong đó, đất chuyên dùng 28.278 ha bằng 17,1% tổng diện tích đất hành chính. Loại đất này đang có xu hướng tăng nhanh do việc phát triển các khu cụm công nghiệp, các công trình kết cấu hạ tầng. Đất ở 13.776 ha bằng 8,3% tổng diện tích đất hành chính, trong đó đất ở đô thị là 1.633 ha, đất ở nông thôn là 12.143 ha.

Đất chưa sử dụng: 785 ha, bằng 0,5% tổng diện tích hành chính. Khả năng quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh Hải Dương còn nhiều, có thể đáp ứng cho việc phát triển sản xuất công nghiệp.

Nguồn nước mặt ở Hải Dương khá phong phú trong hệ thống sông ngòi lớn nhỏ, đầm và kênh mương, phân bố khắp trên địa bàn có thể phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt tương đối tốt. Nguồn nước ngầm với trữ lượng nước khá dồi dào. Lượng nước ngầm tại các giếng khoan đạt từ 30-50 m³/ngày đêm. Nguồn nước này nằm chủ yếu trong tầng chứa nước lỗ hổng Pleitôxen, hàm lượng Cl<200mg/l. Vùng có khả năng khai thác nước ngầm phục vụ sinh hoạt chỉ chiếm 25% diện tích. Tầng khai thác chủ yếu nằm ở độ sâu trung bình từ 40-120 m, ở phía Bắc tỉnh có thể khai thác tốt cho nhu cầu nước sinh hoạt. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh cũng đã phát hiện một số tầng nước ngầm có độ sâu 250-350

m, nhiều nơi trong tỉnh nguồn nước ngầm có chất lượng tốt, trữ lượng lớn, là tiềm năng cung cấp ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Rừng của Hải Dương không nhiều chỉ chiếm khoảng 6% diện tích tự nhiên. Tuy nhiên, rừng bị tàn phá, các loại cây gỗ quý như lim xanh, sến, táu... có nguy cơ bị diệt chủng. Trong mấy năm gần đây rừng đang từng bước được khôi phục nhưng còn rất hạn chế.

Hải Dương có tiềm năng về các mỏ khoáng sản phi kim loại, với một số loại khoáng sản chủ yếu ở vùng đông bắc của tỉnh đã được đánh giá bao gồm: đá vôi xi măng, đá vôi xây dựng, đá vôi nguyên liệu hoá, đá phiến sét phụ gia xi măng, sét làm gạch ngói, bau-xit, nguyên liệu gốm sứ (cao lanh, fenspat...), phốt pho hang động, than đá, than bùn, cát kết dạng quắc zit... Trong đó 4 loại quan trọng nhất là làm nguyên liệu xi măng và vật liệu xây dựng, nguyên liệu gốm sứ, bau-xit và than bùn, than đá. Khoáng sản của Hải Dương tương đối phong phú về chủng loại, nhưng phần lớn thuộc loại mỏ nhỏ, ít điểm quặng, chỉ có một số mỏ được xếp loại khá như đá vôi xi măng, puzolan, sét chịu lửa, sét gạch ngói, than...

Bảng 2.1: Một số khoáng sản chủ yếu của tỉnh Hải Dương

Đơn vị tính: Triệu tấn

Loại khoáng sản	Trữ lượng	Đã khai thác	Ước trữ lượng còn đến năm 2005
1- Đá vôi xi măng	200	60	140
2- Đá sét	25	4,5	21,5
3- Đá silic	1,3	1,1	0,2
4- Sét chịu lửa, sét trắng	8	3	5
5- Cao lanh	0,32	0,15	0,17
6- Than đá	62	5,3	56,7
7- Bau-xit	0,13	0,08	0,05

Nguồn: Cục Thống kê Hải Dương.

2.1.2. Thực trạng các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

Trước khi tái lập, Hải Dương là tỉnh nông nghiệp. Nền kinh tế của tỉnh trong tình trạng kém phát triển, cơ sở hạ tầng yếu kém, sản xuất kinh doanh hiệu quả thấp, vốn đầu tư thiếu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm chạp, thu nhập bình quân đầu người thấp.

Tuy nhiên, với những nỗ lực phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Hải Dương đã tập trung khắc phục những khó khăn, giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt. Đến nay, tình hình KT- XH của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực.

Nhằm phát triển công nghiệp, Hải Dương sớm có chủ trương quy hoạch phát triển các vùng công nghiệp gắn với các vùng nguyên liệu và quy hoạch phát triển đồng bộ các KCN tập trung quản lý theo Nghị định 36/CP của Chính phủ. Năm 2001, UBND tỉnh phê duyệt "Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2001-2010" và phê duyệt Đề án "Xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp các khu công nghiệp tỉnh giai đoạn 2001-2005" đồng thời thành lập và giao cho Ban quản lý các KCN tỉnh làm đầu mối để triển khai thực hiện đề án.

Sau khi thành lập, Ban quản lý KCN đã tham mưu cho tỉnh khẩn trương lập quy hoạch trình Chính phủ và các bộ ngành trung ương cho phép được bổ sung các KCN có điều kiện phát triển vào KCN trong cả nước. Năm 2002, Thủ tướng chính phủ đã có văn bản đồng ý cho Hải Dương bổ sung quy hoạch 4 KCN vào quy hoạch tổng thể phát triển các KCN của cả nước bao gồm : KCN Tứ Minh- Lai Cách (KCN Đại An), KCN Phúc Điền, KCN Phú Thái, KCN Việt Hoà.

Ngày 17/7/2002, UBND tỉnh ra quyết định 3149/2002/QĐ- UB ban hành quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh đã quy định các ưu đãi về giá thuê đất và miễn giảm tiền thuê đất, ưu đãi về thuế thu nhập, ưu đãi về vay vốn, về đầu tư các công trình hạ tầng KCN, về thủ tục hành chính. Ngày 3/4/2003 UBND tỉnh lại có Quyết định số 920/2003/QĐUB ban hành quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các cụm công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh cùng với những nội dung ưu đãi như trên.

Trước sự xuất hiện nhiều nhân tố mới về kinh tế - xã hội, có những nhân tố thuận lợi, nhưng cũng có những thách thức, đòi hỏi tỉnh phải cơ cấu lại ngành công nghiệp, rà soát, điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển công nghiệp đến năm 2010, tổng hợp, phân tích

tiềm năng, các nhân tố tác động đến phát triển công nghiệp của tỉnh Hải Dương trong tương lai. Đến năm 2020 cũng là mốc thời gian đủ để tạo dựng hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, đưa Hải Dương trở thành một tỉnh có nền công nghiệp và dịch vụ phát triển. UBND tỉnh đã rà soát lại quy hoạch phát triển các khu công nghiệp cũ, xây dựng quy hoạch phát triển đến năm 2020. Dự án "Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2010, 2015 và định hướng đến năm 2020" được xây dựng kế thừa và phát huy những kết quả của Quy hoạch cũ và những nội dung cơ bản của "Chương trình phát triển công nghiệp Hải Dương nhanh và bền vững, nâng cao sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập giai đoạn 2006-2010", và có định hướng cho giai đoạn 2011-2020 phù hợp với bối cảnh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội chung của cả nước và của tỉnh. Quy hoạch thành phố Hải Dương trở thành khu đô thị loại 2 vào năm 2010, cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015.

Trên cơ sở mục tiêu tăng trưởng công nghiệp trên địa bàn của từng giai đoạn, điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của các vùng, vị trí địa lý, khả năng thu hút đầu tư, dự kiến bổ sung quy hoạch đầu tư xây dựng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2010 và 2020 như sau:

Bảng 2.2: Dự kiến bổ sung quy hoạch đầu tư xây dựng các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2010 và 2020

TT	Tên khu công nghiệp	Diện tích đất KCN đã được thành lập	Diện tích quy hoạch đến năm 2010 (ha)	Diện tích quy hoạch đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (ha)	Tổng diện tích (ha)
A. KCN đã thành lập					
1.	KCN Đại An	603,82	-	-	603,82
2.	KCN Nam Sách	63,93	-	-	63,93
3.	KCN Phúc Điền	87,00	250	-	87,00
4.	KCN Tân Trùng	199,30	200	-	199,30

5.	KCN Việt Hoà – Kenmark	46,40	-	90	46,40
6.	KCN Phú Thái	72,00	-	-	72,00
7.	KCN Tàu Thủy – Lai Vu	212,89	-	-	212,89
8.	KCN Cộng Hoà	357,03	-	-	357,03
9.	KCN Cẩm Điền và Lương Điền	-	183,9	-	183,9
10.	KCN Lai Cách	-	132,4	-	132,4
B. KCN đưa vào quy hoạch					
1.	KCN Quốc Tuấn và An Bình		300	200	500
2.	KCN Kim Thành		200	100	300
3.	KCN Lương Điền – Ngọc Liên		200	100	300
4.	KCN Bình Giang		200	100	300
5.	KCN Hiệp Sơn, Kinh Môn		150	-	150
6.	KCN Thanh Hà		-	200	200
7.	KCN Hoàng Diệu		-	300	300
8.	KCN Hưng Đạo		-	200	200
Tổng		1.642,37	1.816,3	1.290	4.748,67

Nguồn: Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đã khẳng định: Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng hiệu quả và phù hợp với nhu cầu của thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư để hình thành các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch được duyệt tại thành phố Hải Dương và các huyện: Nam Sách, Kim Thành, Kinh Môn, Chí Linh, Cẩm Giàng và các thị trấn huyện lỵ [21].

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV đã chỉ rõ : Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch trình Chính phủ thẩm định các KCN: Phú Thái, phía Tây thành phố, Tân Trường

và Lai Vu. Quy hoạch thêm các KCN: Phả Lại, Cộng Hoà- Chí Linh, Nhị Chiểu- Kinh Môn và từng bước xây dựng để đến năm 2010 có 10 KCN. Có cơ chế để huy động vốn đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp đã quy hoạch và xây dựng thêm một số cụm công nghiệp gắn liền với thị trấn, thị tứ. Không để quy hoạch treo và hạn chế việc phát triển các khu, cụm công nghiệp bám dọc theo đường giao thông chính. Đối với các khu, cụm công nghiệp nằm sát Thành phố Hải Dương chỉ thu hút các dự án có công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường [22, tr.52].

Quy chế KCN được ban hành kèm theo Nghị định 332/HĐBT ngày 18/10/1991. Tiếp theo, ngày 28/12/1994, Chính phủ đã ra Nghị định 192/CP ban hành quy chế KCN và ngày 24/4/1997 ra Nghị định 36/CP ban hành quy chế KCN, KCX, KCNC thay thế hai nghị định trên thành lập các KCN để làm thí điểm cho một mô hình kinh tế nhằm thực hiện chủ trương đổi mới, mở cửa theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo tinh thần của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã đề ra.

Hiện nay, tỉnh Hải Dương đã được Chính phủ cho phép thành lập đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 là 17 KCN tập trung, với diện tích quy hoạch 3.607 ha, trong đó có 10 KCN đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN với diện tích đất quy hoạch 2.087 ha (trong đó diện tích đất quy hoạch xây dựng các nhà máy công nghiệp là 1.393 ha) bao gồm các khu công nghiệp sau: KCN Nam Sách, KCN Đại An, KCN Phúc Điền, KCN Tân Trường, KCN Việt Hoà – Kenmark, KCN Tàu Thủy - Lai Vu, KCN Phú Thái, KCN Cộng Hoà, KCN Lai Cách, KCN Cẩm Điền – Lương Điền.

Trong 10 khu công nghiệp đang đầu tư xây dựng có 8 khu công nghiệp do nhà đầu tư trong nước đầu tư xây dựng hạ tầng, 1 khu công nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài xây dựng (khu công nghiệp Việt Hoà - Kenmark), 1 KCN do nhà đầu tư trong nước liên doanh với nước ngoài xây dựng (KCN Cẩm Điền - Lương Điền).

Hiện nay, trong tổng số 10 khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được Chính Phủ phê duyệt (có 6 khu công nghiệp đã có các doanh nghiệp triển khai và đi vào hoạt động), đã có 118 doanh nghiệp được cấp phép đầu tư. Trên thực tế chỉ có 75 doanh

nghiệp đã triển khai và đi vào hoạt động. Sau 5 năm triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng KCN Đại An, đến nay diện tích đất cho thuê khu I là 95%, diện tích đất khu II mới được

thực hiện xong công tác đền bù GPMB là 210 ha và đang thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật. Hiện KCN đã và đang thu hút được nhiều nhà đầu tư đầy tiềm năng đến từ các quốc gia nổi tiếng trên thế giới: Mỹ, Nhật, Pháp, Đức, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malayxia, Canada, Đài Loan, Việt Nam...

Tổng số vốn đầu tư của các dự án trong KCN Đại An là 437 triệu USD, trong đó vốn đã thực hiện 250 triệu USD; trung bình vốn một dự án khoảng trên 13,6 triệu USD; vốn đầu tư trung bình 1 ha đất là 4,7 triệu USD; tạo việc làm cho khoảng 6800 người lao động, trong đó NLD địa phương là 5780 người, chiếm tỷ lệ 85%.

-*KCN Phúc Điền*: Được thành lập theo quyết định số 1305/2003/QĐ-UB ngày 8/5/2003 của UBND tỉnh Hải Dương. Địa điểm tại xã Cẩm Phúc và xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với tổng diện tích 170 ha.

KCN Phúc Điền cách Thủ đô Hà Nội 35 km, cách Thành phố Hải Phòng 66 km, cách Sân bay Nội Bài - Hà Nội 78 km (đi đường QL1A mới), cách Cảng Cái Lân - Quảng Ninh: 127 km. Nước thải trong KCN được xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải của KCN, đạt tiêu chuẩn mức B trước khi xả ra sông Sắt theo đường ống BTTC D300, với công suất 4000m³/ngđ.

Các ngành nghề đầu tư trong Khu công nghiệp: Gia công cơ khí, lắp ráp và điện tử, chế biến thực phẩm và sản xuất nông nghiệp, dệt, may và sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống của địa phương và một số ngành nghề khác.

-*KCN Nam Sách*: Được thành lập theo văn bản số 18/CP-CN ngày 7/1/2003 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 539/2003/QĐ-UB ngày 27/02/2003 của UBND tỉnh Hải Dương. Chủ đầu tư là Công ty TNHH Nam Quang.

Nước thải trong KCN được xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải của KCN, đạt tiêu chuẩn mức B trước khi xả ra sông Bến Gạch theo đường ống bê tông với công suất 3600m³/ngđ.

Các ngành nghề đầu tư trong KCN gồm: may mặc, dệt, da giày, bao bì, giấy, chế biến nông, lâm sản và các ngành nghề khác.

- *KCN Tân Trường*: Được thành lập theo Văn bản số 214/TTg- CN của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/3/2003 và Quyết định số 1454 /QĐ- UBND của UBND ngày 1/4/2005.

Chủ đầu tư là Công ty TNHH Nam Quang. Diện tích lấp đầy trong KCN đạt 100%. Tổng số vốn đầu tư (26 dự án) là 207.369.915 U SD (tương đương với 3291,3 tỷ đồng). Tổng số vốn đã thực hiện là 147.664.484 U SD (tương đương với 2543,63 tỷ đồng). Tỷ lệ lấp đầy trong KCN là 100%.

-*KCN Tàu thủy Lai Vu*: Được thành lập theo Quyết định số 1107/QĐ- TTG ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2326/QĐ- UBND ngày 25/6/2007 của UBND tỉnh, giấy chứng nhận đầu tư dự án và kinh doanh hạ tầng cấp ngày 1/12/2006. KCN do Tập đoàn Công ty công nghiệp tàu thủy Việt Nam (VINASHIN) đầu tư xây dựng. Lai Vu là một KCN tập trung bao gồm các nhà máy, xí nghiệp chuyên ngành phục vụ cho ngành công nghiệp tàu thủy Việt Nam nói riêng và công nghiệp đóng tàu nói chung). Các ngành nghề đầu tư trong KCN gồm: đóng tàu, chế tạo ống thép xoắn, ống thông gió điều hành, trường đào tạo công nhân.

-*KCN Việt Hoà – Kenmac*: Được thành lập theo Quyết định số 1107/QĐ- TTG ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1387/QĐ- UBND ngày 5/4/2007 của UBND tỉnh, giấy chứng nhận đầu tư dự án và kinh doanh hạ tầng cấp ngày 1/12/2006 thay đổi lần 3 ngày 25/1/2008. Địa điểm tại Việt Hoà - Tp Hải Dương. Trước đây KCN này là KCN giấy da do Tổng công ty da, giấy làm chủ đầu tư nhưng sau đó không triển khai thực hiện được. Sau đó tập đoàn KENMAC (Đài Loan) làm chủ đầu tư. Tổng diện tích KCN là 145,7 ha. Tổng số vốn đầu tư với 7 dự án là 127.000.000 U SD. Vốn điều lệ là 14.000.000. Tổng số vốn đã thực hiện là 35.419.800 U SD. Tỷ lệ lấp đầy trong KCN là 34,27%.

-*KCN Phú Thái*: Được thành lập theo Quyết định số 1107/QĐ- TTG ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ... Địa điểm tại thị trấn Phú Thái – Kim Thành. Diện tích là 72 ha (chưa mở rộng là 42 ha). Tỷ lệ lấp đầy trong KCN là 100%.

-*KCN Cộng Hoà* : Được thành lập theo Quyết định số 1107/QĐ- TTG ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3813/QĐ- UBND ngày 2/11/2007 của UBND tỉnh, Giấy chứng nhận đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng cấp ngày

9/4/2008. Địa điểm tại xã Cộng Hoà – Chí Linh. Diện tích KCN là 357,03 ha (chưa mở rộng là 245,47 ha). Tỷ lệ lấp đầy trong KCN là 44%.

-*KCN Lai Cách*: Được thành lập bổ sung theo Văn bản số 692/TTG- KTN ngày 8/5/2008 của Thủ tướng chính phủ, Quyết định thành lập KCN số 1386/QĐ- UBND của UBND tỉnh ngày 30/5/2008. Địa điểm tại Lai Cách - Cẩm Giàng. Diện tích của KCN là 132,4 ha (chưa mở rộng là 90,77 ha). Tỷ lệ lấp đầy trong KCN là 35%.

-*KCN Lương Điền - Cẩm Điền*: Chủ đầu tư là công ty TNHH Phúc Hưng với số vốn đầu tư là 43,66 triệu USD. chủ đầu tư đang thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật KCN theo quy hoạch được duyệt.

Ngày 22/1/2009, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã chấp thuận bổ sung 10 KCN của Hải Dương vào Danh mục các KCN dự kiến mở rộng và ưu tiên thành lập mới đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020. Cụ thể là bổ sung 3 KCN: Phúc Điền, diện tích 200 ha; Tân Trường, diện tích 100 ha và Việt Hoà - Ken Mark, diện tích 90 ha vào Danh mục các KCN dự kiến mở rộng. 7 KCN được bổ sung vào Danh mục các KCN dự kiến ưu tiên thành lập mới gồm: KCN Quốc Tuấn - An Bình, diện tích 180 ha; KCN Kim Thành, KCN Lương Điền - Ngọc Liên, KCN Bình Giang và KCN Thanh Hà đều có diện tích 150 ha; KCN Hoàng Diệu diện tích 250 ha và KCN Hưng Đạo, diện tích 200 ha.

Bảng 2.3: Tổng hợp một số chỉ tiêu SXKD của các doanh nghiệp trong KCN

Chỉ tiêu	ĐVT	Mã số	Năm 2006 21 DN	Năm 2007 53 DN	Năm 2008 73 DN
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
I. Vốn đầu tư (01=02+09)	USD	01	94.436.325	225.946.358	237.988.644
1. Vốn pháp định: (02=03+06)	USD	02	86.073.651	132.749.576	120.718.073
a. Bên Việt Nam góp (03=04+05)	USD	03	2.702.711	1.017.496	1.471.299
- Bằng tiền mặt	USD	04	1.219.250	480.000	764.399
- Giá trị quyền sử dụng đất, các nguồn	USD	05	1.003.461	537.496	706.900

tài nguyên, giá trị quyền sử dụng mặt nước, mặt biển					
b. Bên nước ngoài góp (06=07+08)	USD	06	83.370.94 0	131.732.0 80	119.246.7 74
- Tiền mặt	USD	07	81.507.85 6	127.356.7 31	62.837.32 2
- Máy móc, thiết bị	USD	08	1.863.084	4.375.349	56.409.45 2
2. Vốn vay: (09=10+11)	USD	09	8.362.674	93.196.78 3	117.270.5 71
- Vay trong nước	USD	10	8.720.283	53.311.05 7	47.115.95 3
- Vay từ nước ngoài	USD	11	464.148	39.885.72 6	70.154.61 8
II. Lao động có đến cuối tháng báo cáo (12=13+14)	Ng ười	12	8.996	18.711	33.491
1. Lao động Việt Nam	Ng- ười	13	8.674	18.473	32.899
2. Lao động nước ngoài	Ng- ười	14	318	238	383
III. Giá trị hàng nhập khẩu (15=16+17)	USD	15	95.863.32 5	185.678.4 84	504.933.7 52
- Nhập khẩu để XDCB hình thành doanh nghiệp	USD	16	15.681.20 8	45.329.24 3	74.301.60 1
- Nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh	USD	17	80.182.11 7	140.349.2 41	430.632.1 50
IV. Doanh thu (18=19+20+21)	USD	18	103.562.4	189.091.9	716.882.2

			30	60	48
- Xuất khẩu	USD	19	90.363.569	160.130.027	502.806.982
- Nội tiêu thu ngoại tệ	USD	20	13.198.861	28.178.146	108.652.703
- Nội tiêu thu tiền Việt Nam, quy đổi ra USD	USD	21	0	783.788	5.422.563
- Tỷ lệ xuất khẩu thực hiện (22= 19/18*100%)	%	22	87	85	76
V. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	USD	23	720.574	2.849.842	8.569.768
VI. Ngoại tệ chuyển ra nước ngoài	USD	24	624.011	7.543.239	30.529.856
VII. Sản phẩm chủ yếu		25	Điện, điện tử	Điện và điện tử	điện, điện tử

Nguồn: Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

2.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

2.2.1. Tình hình triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Ngày 13 /5/2002 Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 2375 UBND về việc ban hành “*quy định về trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý Nhà nước trong việc Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh*”. Theo đó việc triển khai luật Bảo vệ môi trường được giao cho Sở khoa học và công nghệ môi trường có trách nhiệm phối hợp với các cấp, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn chi tiết phổ biến quy định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện theo dõi và định kỳ sáu tháng một lần báo cáo kết quả BVMT trên địa bàn tỉnh cho UBND tỉnh.

Quyết định số 1848/2003/QĐ-UBND ngày 20/6/2003 của UBND tỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

Do chuẩn bị chu đáo về kế hoạch, tài liệu nên việc quán triệt luật BVMT đảm bảo yêu cầu đề ra 100% các chủ đầu tư vào khu công nghiệp tỉnh đã quán triệt triển khai thực hiện luật bảo vệ môi trường. Có 3 khu công nghiệp: KCN Đại An, KCN Phúc Điền, KCN Việt Hoà đã thực hiện luật bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm túc hầu hết các chủ đầu tư là cơ sở hạ tầng khu công nghiệp đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Ngày 29/11/2005 Luật bảo vệ môi trường được ban hành (sửa đổi, bổ sung năm 1993). Việc triển khai luật bảo vệ môi trường năm 2005, được tuyên truyền giải thích trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu sách, báo để các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp nắm rõ những nội dung quy định trong luật bảo vệ môi trường. Hàng năm, Sở tài nguyên và môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp đã tiến hành kiểm tra, đôn đốc các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp chấp hành nghiêm túc luật bảo vệ môi trường. Qua kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện luật bảo vệ môi trường đã tham mưu cho UBND tỉnh đề ra các nhiệm vụ và giải pháp nhằm thực hiện luật bảo vệ môi trường tốt hơn, phát hiện những điểm còn bất cập trong nội dung quy định của luật bảo vệ môi trường và trong tổ chức triển khai từ đó làm cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện chỉ đạo của của Bộ công an, ngày 4/3/2008 Công an tỉnh Hải Dương ra QĐ/199/PX13 về việc thành lập Cảnh sát môi trường và để điều chỉnh những quy định mới của pháp luật về bảo vệ môi trường, cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, ngày 02/7/2009 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 20/2009 QĐ –UBND (thay thế QĐ-UBND số 4173/2003 ngày 16/10/2003) về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp. Quyết định này quy định trách nhiệm của Sở Tài nguyên và môi trường, Ban quản lý khu công nghiệp và Cảnh sát môi trường tỉnh, phối hợp kiểm tra và xử lý các sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trong các KCN.

Sau gần 7 năm, tổ chức thực hiện luật bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, quá trình thực hiện luật bảo vệ môi trường năm 1993, (sửa đổi, bổ sung năm 2005), nhận

thức của các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã có chuyển biến tích cực, những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường là một nội dung thể hiện quyền và trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các chủ đầu tư cơ sở hạ tầng, các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nên được các doanh nghiệp đồng tình và hưởng ứng, quá trình tổ chức thực hiện có nhiều thuận lợi và đạt được những kết quả đáng khích lệ.

2.2.2. Những kết quả đã đạt được trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong những năm qua việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận.

Trong thời gian qua các doanh nghiệp đã quan tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường và các tác động về mặt xã hội. Nhận thức về môi trường của các doanh nghiệp được nâng cao lên, ý thức bảo vệ môi trường đang dần trở thành thói quen, nếp sống của các doanh nghiệp. Bước đầu các khu công nghiệp đã hạn chế được một phần mức độ gia tăng ô nhiễm, chú trọng khắc phục suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường. Điều kiện vệ sinh môi trường ở các khu công nghiệp đang từng bước được cải thiện, người dân sống quanh khu công nghiệp có điều kiện môi trường ngày càng tốt hơn. Nhiều khu công nghiệp được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại với hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, môi trường cây xanh,... Được xây dựng theo tiêu chuẩn của một khu công nghiệp sạch, không ô nhiễm môi trường, khu công nghiệp luôn hướng tới sự cân bằng giữa thu hút đầu tư và bảo vệ môi trường bền vững. Các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tích cực đầu tư sản xuất, đổi mới trang thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm từng bước đầu tư hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường. Nhiều doanh nghiệp đã lập sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại với Sở tài nguyên và môi trường đối với các doanh nghiệp có phát sinh chất thải nguy hại và ký hợp đồng thu gom chất thải rắn nguy hại với các công ty có chức năng hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu huỷ chất thải nguy hại (công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại môi trường xanh và công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công và công ty TNHH một thành viên môi trường đô thị URENCO Hà Nội). Các doanh nghiệp đã cố gắng xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ nước thải, trồng

cây xanh, xây dựng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường hiện nay có 3 khu công nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu, đó là khu công nghiệp Phúc Điền, khu công nghiệp Nam Sách đã đi vào hoạt động còn khu công nghiệp Đại An đang trong thời gian vận hành chạy thử.

Đa số các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã thực hiện nghiêm túc luật BVMT lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện cam kết với cơ quan quản lý môi trường, chấp hành sự kiểm tra của cơ quan quản lý về môi trường điều chỉnh, bổ sung và cam kết bảo vệ môi trường cho phù hợp với kết luận thanh tra.

Về công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp về các quy định pháp luật môi trường:

Những hoạt động này được triển khai gắn liền với cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh qua việc đưa tên, bài phóng sự chuyên mục về bảo vệ môi trường của Đài phát thanh truyền hình tỉnh, báo Hải Dương. Ngoài ra, trách nhiệm của Sở tài nguyên và môi trường và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh. Trong đó Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh chủ trì việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khu công nghiệp. Sở tài nguyên và môi trường phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về BVMT, nâng cao nhận thức BVMT cho chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật và các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

Về công tác báo cáo hiện trạng môi trường, quan trắc môi trường:

Thực hiện luật BVMT hàng năm Sở tài nguyên và môi trường của tỉnh đều tiến hành thường xuyên lấy mẫu đo đạc, và phân tích các chỉ tiêu môi trường, lập báo cáo hiện trạng môi trường, nêu ra những diễn biến hiện trạng môi trường đồng thời dự báo xu thế biến đổi môi trường trong thời gian tiếp theo. Tổng hợp số liệu báo cáo về công tác bảo vệ môi trường của các khu công nghiệp, làm cơ sở đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Công tác đánh giá tác động môi trường: Thẩm định báo cáo đánh giá tác động (ĐTM) và đăng ký cam kết bảo vệ môi trường là một trong những nội dung quan trọng của công tác bảo vệ môi trường. Trong những năm vừa qua việc đánh giá tác động môi trường đã được triển khai tích cực, thông qua công tác thẩm định đã xác định tương đối chính xác nguyên nhân gây ô nhiễm cũng như tác nhân gây ô nhiễm của các dự án cơ sở đang hoạt động để từ đó có giải pháp phòng chống và xử lý phù hợp.

Trong thời gian qua, công tác đánh giá tác động môi trường đã thực hiện rất tốt. Kết quả triển khai công tác này đến nay như sau:

Đối với các dự án đầu tư vào khu công nghiệp phải làm đánh giá tác động môi trường là 50/118 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp đã triển khai đánh giá tác động môi trường và thẩm định là 40/50 doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 80%.

Đối với các dự án đầu tư không thuộc quy định tại Điều 14 và 18 của luật bảo vệ môi trường 2005 phải có cam kết bảo vệ môi trường là 68/118 doanh nghiệp. Nhưng số các dự án này đã lập bản kê khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh có ảnh hưởng đến môi trường, đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra thực tế và đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường là 58 /68 doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 85%.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo về môi trường:

Đối với các doanh nghiệp đã được cấp quyết định phê duyệt chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, mỗi năm đã tiến hành khoảng 20-30 cơ sở. Qua kiểm tra thấy một số doanh nghiệp triển khai tốt thực hiện theo đúng yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê chuẩn ĐTM hoặc nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. Một số khu công nghiệp kiểm tra đã bước đầu xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung như khu công nghiệp Phúc Điền, khu công nghiệp Nam Sách, Công ty TNHH Điện tử TOWADA (khu công nghiệp Phúc Điền), công ty TNHH Sợi Vĩ Sơn (khu công nghiệp Đại An),... Như vậy, một số chủ doanh nghiệp đã có ý thức trong công tác bảo vệ môi trường.

Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường

ở các khu công nghiệp cũng được đẩy mạnh, đã tổ chức nhiều cuộc thanh tra đem lại hiệu quả rõ rệt trong việc đảm bảo thực hiện pháp luật về môi trường đối với các

doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Thông qua việc thanh tra, kiểm tra đã yêu cầu các cơ sở phải thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường. Đối với các khu công nghiệp cơ bản đầu tư xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật và cơ bản lấp đầy diện tích cho thuê như: KCN Đại An, KCN Việt Hoà – Ken Mark, Ken tàu thủy – Lai Vu, khu công nghiệp Tân Trường,... Thông qua thanh tra, kiểm tra đã yêu cầu các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các doanh nghiệp trong khu công nghiệp xúc tiến xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

+ Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã được quan tâm chỉ đạo kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo; một vụ vào năm 2006 đối với chủ đầu tư – Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang để nước thải khu công nghiệp chưa qua xử lý chảy ra sông Bến Gạch, gây ô nhiễm môi trường.

+ Thanh tra việc chấp hành luật bảo vệ môi trường: Một vụ năm 2006 đối với công ty TNHH tái chế nhựa Anh Hai Duy (khu công nghiệp Nam Sách) và đã tiến hành xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường công ty, do thực hiện không đầy đủ các nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường, quản lý, xử lý chất thải không theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

Công tác đầu tư xây dựng các công trình về bảo vệ môi trường trong thời gian qua các cấp, các ngành đã quan tâm dành nguồn kinh phí để đầu tư, xây dựng các công trình xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường như đang xây dựng hệ thống nước thải chung của thành phố, quy hoạch đồng bộ các khu công nghiệp. Bên cạnh đó các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thời gian qua đã đầu tư xây dựng hệ thống nước thải, rác thải, khí thải.

Việc thu phí bảo vệ môi trường:

Sở tài nguyên và môi trường đã trình UBND kế hoạch thu phí bảo vệ môi trường và tổ chức triển khai thực hiện, đã tiến hành thu phí nước thải đối với 2/6 khu công nghiệp: khu công nghiệp Phúc Điền và khu công nghiệp Nam Sách. Các doanh nghiệp trong 2

khu công nghiệp này đã kê khai, nộp phí nước thải từ đầu năm 2009, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về tổ chức triển khai giám sát thực hiện chương trình tự giám sát của các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Tính đến nay đã có 27/75 doanh nghiệp thực hiện chương trình giám sát định kỳ ghi trong báo cáo ĐTM và quyết định phê chuẩn với tần suất từ 1-2 lần năm.

Việc lập sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại với Sở tài nguyên và môi trường:

Đối với các doanh nghiệp có phát sinh chất thải nguy hại đã triển khai và lập sổ đăng ký được 46/75 doanh nghiệp, đạt tỷ lệ 61%.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Trong thời gian qua, quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường luôn được các cấp uỷ và các tổ chức quốc tế mà việc thực hiện pháp luật ở các khu công nghiệp sẽ có giải pháp tích cực và hiệu quả trong xử lý ô nhiễm nguồn nước thải. Thành phố Hải Dương đã và đang thực hiện dự án “Cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước - xây dựng nhà máy xử lý nước thải của thành phố” với vốn tài trợ ODA của cộng hoà liên bang Đức, tổ chức có hiệu quả Dự án môi trường Việt Nam - Canada (viết tắt là VCEP) giai đoạn 2001-2006 ở Hải Dương, trên cơ sở kết quả thực hiện có hiệu quả dự án 2001 – 2006, Hải Dương được tiếp tục tham gia dự án này (giai đoạn 3) thời gian 2009-2014 cùng với 9 tỉnh trong cả nước. Dự án giúp đào tạo cán bộ về năng lực quản lý môi trường, đồng thời hỗ trợ trang bị về tiềm năng thiết bị quan trắc cho trung tâm quan trắc và phân tích môi trường.

2.2.3. Những hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

2.2.3.1. Những hạn chế

Việc triển khai thực hiện

Việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp đã được triển khai thực hiện và đạt được kết quả khả quan tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế trong quá trình thực hiện do những nguyên nhân cả chủ quan và khách quan việc triển khai luật bảo

vệ môi trường 1993, 2005 còn thiếu thường xuyên chỉ đạo tập trung cao khi có kế hoạch chỉ đạo sơ kết, tổng kết, thời gian sau đó ít kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở. Nội dung và sự

thay đổi của luật bảo vệ môi trường năm 1993 so với luật bảo vệ môi trường năm 2005 đã có sự thay đổi song sau khi triển khai thực hiện các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp còn ít tìm hiểu. Thực hiện thụ động theo hướng dẫn điều chỉnh của cán bộ Sở tài nguyên và môi trường và Ban quản lý các Khu công nghiệp đối với các nội dung mới. Việc thực hiện luật bảo vệ môi trường, các chủ thể thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, cấp uỷ Đảng, chính quyền, đội ngũ cán bộ công chức đã nhận thức tương đối đầy đủ về bảo vệ môi trường và quán triệt nội dung bảo vệ môi trường. Song chưa thực sự có “tâm huyết” đến cùng, trong thực hiện luật BVMT. Mặc dù triển khai nội dung luật BVMT qua các hình thức song không tổ chức đánh giá xem nội dung thông tin, chất lượng thông tin đến được với các doanh nghiệp như thế nào. Việc thông tin đến được với các doanh nghiệp hầu như chỉ một chiều, chỉ đến khi các doanh nghiệp thắc mắc, thì cán bộ mới giải đáp. Mặt khác, trong quá trình thực hiện các nội dung của luật BVMT thường được gửi qua các công văn yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện hoặc có những văn bản mới quy định về bảo vệ môi trường có liên quan đến thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, chỉ gửi công văn yêu cầu các doanh nghiệp tự vào mạng internet tìm đọc. Hơn nữa, việc đôn đốc, nhắc nhở chưa thật sát sao khiến cho việc chấp hành luật BVMT của các doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm đến việc BVMT, cũng như ý thức được trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về BVMT một cách nghiêm túc, dẫn đến tình trạng môi trường bị ô nhiễm.

Công tác đánh giá tác động môi trường

Đánh giá tác động môi trường là một trong những giải pháp quan trọng trong quản lý công nghiệp góp phần tích cực trong việc phòng ngừa ô nhiễm do các hoạt động sản xuất công nghiệp gây lên. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được lập đồng thời với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư để phân tích, dự án báo cáo tác động đến môi trường và trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án.

Hiện nay, trong tổng số 10 khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được Chính phủ phê duyệt cho triển khai thì có khu công nghiệp Phú Thái và một số doanh nghiệp trong các khu công nghiệp chưa lập báo cáo định giá tác động môi trường.

Việc cưỡng chế lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tuân thủ quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường chưa nghiêm. Tỷ lệ các dự án không lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc chưa tiến hành lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiếm tỷ lệ 20%. Tình hình này là do các chủ dự án đầu tư chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác đánh giá tác động môi trường, chưa hiểu biết đầy đủ luật bảo vệ môi trường cũng như chưa có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan quản lý Nhà nước. Một thực tế đặt ra là sau khi nhận được giấy phép đầu tư và quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường thì các cơ quan quản lý môi trường không có đủ nhân lực, trang thiết bị và thời gian để giám sát môi trường trong quá trình và xây dựng và hoạt động của dự án. Hơn thế nữa, họ lại không có đủ thẩm quyền cưỡng chế việc thực thi các yêu cầu được ghi trong quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường. Chính vì vậy mà mặc dù trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ đầu tư có trình bày các phương án hạn chế tác động (ví dụ: Hệ thống xử lý rác thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải rắn nguy hại,...) nhưng khi xây dựng và hoạt động, nhiều chủ dự án sợ đầu tư tốn kém nên không chịu thực hiện đúng hoặc hoàn toàn không thực hiện các phương án hạn chế ô nhiễm được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được xét duyệt.

Bên cạnh đó vẫn còn tình trạng dự án đầu tư được phê duyệt nhưng chưa hoặc không làm thủ tục về đánh giá tác động môi trường. Đánh giá tác động môi trường có nhiều bước khác nhau, trong đó chủ dự án chỉ làm một vài bước đầu với mục đích được cấp phép đầu tư. Nguyên nhân chủ yếu là do sự nhận thức chưa đầy đủ về công tác đánh giá tác động môi trường của các chủ dự án, thậm chí của cả các cơ quan xét duyệt dự án. Mặt khác do các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường thiếu các điều kiện về lực lượng các cán bộ, và phương tiện để theo dõi kiểm tra và xử lý thiếu kiên quyết khi sự việc xảy ra.

Việc huy động sự tham gia của cộng đồng trong quá trình đánh giá tác động môi trường còn nhiều bất cập. Phần lớn các chủ dự án và cơ quan tư vấn có hỏi ý kiến cộng đồng dân cư, nhất là đối với các dự án có liên quan đến vấn đề giải phóng mặt bằng, tái định cư. Tuy nhiên hầu hết mới chỉ được tiến hành bằng hình thức phiếu điều tra xã hội

học hoặc phỏng vấn trực tiếp, mặt khác việc hỏi ý kiến mới chỉ dừng lại ở về dự án. Việc hỏi ý kiến cộng đồng nhằm mục đích khai thác các ý kiến bản địa hầu như chưa được tiến hành. Nguyên nhân chính là do các chủ dự án chưa có sự đầu tư thoả đáng về thời gian và kinh phí cho việc này.

Việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp và chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

Trong thời gian qua nhiều doanh nghiệp đã tích cực đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới trang thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Có 6 khu công nghiệp đã có các doanh nghiệp triển khai và đi vào hoạt động sản xuất nhưng chỉ có 2 khu công nghiệp Phúc Điền và khu công nghiệp Nam Sách đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường .

Tỷ lệ các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp Đại An, khu công nghiệp Tân Trường, khu công nghiệp Tàu Thủy - Lai Vu, có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ đạt tiêu chuẩn môi trường có tỷ lệ rất thấp, hầu hết nước thải của doanh nghiệp được thải trực tiếp ra môi trường, mà đa số các khu công nghiệp này đều nằm gần khu dân cư đô thị nên nước thải đã ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của người dân. Qua khảo sát sơ bộ của Sở tài nguyên và môi trường thì các khu công nghiệp, nhiều nhà máy đã đi vào hoạt động song nước thải vẫn chưa được thu gom triệt để, hệ thống xử lý nước thải đã được thiết kế, phê duyệt nhưng chưa được xây dựng hoặc đã được các doanh nghiệp xử lý nước thải sơ bộ trước khi thải vào hệ thống nước thải của khu công nghiệp. Qua các kết luận kiểm tra về bảo vệ môi trường của Đoàn kiểm tra được thành lập theo quyết định số 1028/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường về việc kiểm tra trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Khu công nghiệp Đại An đang hoàn tất xây dựng hệ thống thu gom nước thải tập trung và trạm xử lý nước thải với công suất 2.000m³/ngày đêm. Kết quả phân tích mẫu nước thải cho thấy COD vượt 1.7lần, NH₄ vượt 1.5lần, Coliform vượt 86 lần (TCVN ≤

5000 MPN/100ml). Như vậy, xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2 lần đến dưới 5 lần trong trường hợp thải lượng nước thải từ $50\text{m}^3/\text{ngày}$ đến dưới $5000\text{m}^3/\text{ngày}$. Một số

doanh nghiệp trong khu công nghiệp Đại An cũng chưa có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường như công ty sản xuất ván sàn (Khu công nghiệp Đại An), xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ 10 lần trở lên (thông số coliform) trong trường hợp thải lượng nước thải nhỏ hơn 50m³/ngày. Công ty TNHH thép Đông Bang: Xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2 - 5 lần trong trường hợp lượng nước thải nhỏ hơn 50m³/ngày.

Khu công nghiệp Tân Trường qua kiểm tra có 5/7 cơ sở xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2-10 lần trở lên.

Khu công nghiệp Nam Sách, đã xây dựng hệ thống nước thải tập trung. Kết quả kiểm tra có 6/6 doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã xây dựng hệ thống xử lý sơ bộ, trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu công nghiệp. Tuy nhiên kết quả phân tích mẫu nước thải, so sánh với tiêu chuẩn đối với nước thải TCVN 5945 – 2005, đều vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2 đến 10 lần.

Khu công nghiệp Tàu Thủy, đang xây dựng hệ thống nước thải tập trung. Kết quả kiểm tra cho thấy, có 3/3 cơ sở chưa có hệ thống xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn môi trường, vượt tiêu chuẩn cho phép từ 10 lần trở lên.

Khu công nghiệp Phúc Điền, hệ thống nước thải tập trung đã được xây dựng xong và đi vào hoạt động. Có 19/21 đã xây dựng hệ thống xử lý sơ bộ; 4/21 cơ sở vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2 đến 10 lần.

-Đối với việc trang bị các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, các khu công nghiệp hầu như chưa có đầy đủ các thiết bị, dụng cụ thu gom, tập trung chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các cơ sở trong khu công nghiệp theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 Luật bảo vệ môi trường. Mặc dù rác thải rắn nguy hại được các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý nhưng việc thu gom rác thải rắn nguy hại vẫn còn nhiều bất cập, chất thải rắn, chất thải nguy hại vẫn được thu gom với rác thải sinh hoạt hoặc chuyển

giao vận chuyển, xử lý rác thải rắn nguy hại cho các đơn vị không có chức năng vận chuyển, xử lý.

- Việc lắp đặt hệ thống xử lý khí thải, bụi. Qua kiểm tra 40 doanh nghiệp trong các khu công nghiệp có 22/40 doanh nghiệp trong quá trình sản xuất có phát sinh khí thải, (mùi), bụi chỉ có 4/40 doanh nghiệp là có hệ thống xử lý khí thải, bụi còn lại là 18 doanh nghiệp chưa có hệ thống xử lý khí thải, bụi, (theo như nội dung bản đăng ký cam kết đạt trên tiêu chuẩn môi trường đã được phê duyệt). Hầu như khí thải được đưa qua ống khói

thải trực tiếp ra môi trường, kết quả phân tích mẫu khí thải ống khói lò hơi so sánh đối với khí thải công nghiệp ở công ty TNHH bao bì AP hàm lượng SO_2 vượt 2.7 lần, thải khí bụi vượt tiêu chuẩn cho phép từ 2- dưới 5 lần (Khu công nghiệp Nam Sách) công ty thức ăn chăn nuôi Vina (Khu công nghiệp Nam Sách), khí thải (mùi) phát sinh từ nhà để nguyên liệu và khu vực sản xuất theo Quyết định số 2288 ngày 02/7/2009 của UBND tỉnh Hải Dương buộc công ty phải có biện pháp xử lý khí thải (mùi) và tiếng ồn trong quá trình sản xuất; Công ty TNHH sản xuất ván sàn (khu công nghiệp Đại An) thải khí vượt tiêu chuẩn cho phép, có nồng độ NO_2 vượt 6.5 lần so với tiêu chuẩn cho phép.

Tiếng ồn do sản xuất công nghiệp.

Theo kết quả đo đạc tại một số vị trí trong khu công nghiệp cho thấy hầu hết các điểm quan trắc tiếng ồn do sản xuất công nghiệp vượt tiêu chuẩn cho phép chiếm tỷ lệ rất thấp.

Công tác quan trắc môi trường: cũng được tiến hành thường xuyên trong nhiều năm. Kết quả quan trắc đã cung cấp các thông số kỹ thuật và tình hình diễn biến hiện trạng môi trường, đánh giá chất lượng môi trường hàng năm ở các khu công nghiệp, cung cấp kịp thời các thông số để qua đó có biện pháp về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, cũng như để xây dựng chương trình dự án về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên hàng năm việc thực hiện chương trình tự giám sát của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp hầu như chưa được các doanh nghiệp thực hiện đúng tần suất.

Công tác thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về môi trường: Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã tổ chức nhiều cuộc thanh tra về bảo vệ môi trường ở các khu

công nghiệp. Tuy nhiên kết quả cho thấy từ năm 2003 – 2008 chỉ xử lý được một vụ năm 2006 (công ty TNHH Hai Anh Duy có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường,

do thực hiện không đầy đủ các nội dung bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường). Do đó cũng đặt ra vấn đề là có rất nhiều doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhưng việc xử lý đối với các đơn vị là chưa triệt để, nên tình trạng môi trường vẫn bị ô nhiễm, thậm chí doanh nghiệp bị xử phạt nhưng vẫn tiếp tục vi phạm.

Phòng cảnh sát môi trường đã được thành lập nhưng chưa thực sự phát huy được vai trò của mình. Số vụ vi phạm mà cảnh sát môi trường điều tra chỉ có vài vụ, kết quả chưa rõ nét, chưa phát hiện và xử lý được nhiều vụ vi phạm nghiêm trọng về môi trường.

2.2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

Bên cạnh những kết quả đạt được trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương còn có những hạn chế nêu trên chủ yếu là do những nguyên nhân sau đây:

Thứ nhất, do ý thức pháp luật của các chủ thể pháp luật chưa cao, tình trạng thiếu kiến thức về lĩnh vực môi trường còn khá phổ biến nên nhiều chủ thể chưa xác định được việc thực hiện pháp luật môi trường là quyền và nghĩa vụ của mình. Nhiều chủ thể chưa nắm được hết những quy định của luật Bảo vệ môi trường, thực tế cho thấy có doanh nghiệp chưa hiểu rõ thế nào là rác thải nguy hại thì làm sao có thể thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó nhận thức của các doanh nghiệp đối với vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường nhìn chung đã được nâng lên một bước, nhưng về chiều sâu thì vẫn chưa hiểu một cách đầy đủ và đúng đắn vị trí vai trò của tài nguyên môi trường đối với sự phát triển kinh tế xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Do đó giữa nhận thức và hành động chấp hành pháp luật về bảo vệ tài nguyên chưa có sự đồng bộ. Hầu như các doanh nghiệp, kể cả cán bộ lãnh đạo quản lý đều nhận rõ được sự tác hại của ô nhiễm môi trường, nhưng trong hành động thực tế còn tùy tiện theo ý chí chủ quan của mình, chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Thứ hai, do thiếu vốn đầu tư cho các công trình xử lý ô nhiễm môi trường.

Nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu có ý thức trong việc bảo vệ môi trường muốn đầu tư xây dựng công trình xử lý chất thải đặc biệt là rác thải và nước thải trong quá trình sản xuất và sinh hoạt của mình nhưng chưa làm được hoặc không thể làm được vì thiếu kinh

phí. Việc xây dựng hệ thống nước thải tập trung của khu công nghiệp được giao cho công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp đầu tư, chi phí để xây dựng hệ thống nước thải tập trung vào khoảng 20 - 30 tỷ đồng. Bên cạnh đó việc kiểm soát chưa chặt chẽ dẫn đến khu công nghiệp phát triển thiếu đồng bộ, đặc biệt là các công trình xử lý nước thải. Nhiều khu công nghiệp tuy tiện để doanh nghiệp tự ý khai thác nước ngầm, không kết nối vào đường xả nước thải trong cùng khu công nghiệp nên không thể kiểm soát được.

Thứ ba, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật môi trường còn nhiều hạn chế, nên doanh nghiệp còn thiếu nhiều thông tin về môi trường nên không biết được trong trường hợp này mình làm đúng hay sai, quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện pháp luật môi trường là như thế nào...? Trên thực tế chúng ta vẫn biết việc thiếu thông tin sẽ khó khăn cho việc thực hiện pháp luật một cách có hiệu quả. Khi có được đầy đủ, chính xác các thông tin về môi trường sẽ tạo điều kiện cho các chủ thể nắm được thực trạng môi trường, những biến đổi về chất lượng môi trường, sự tương tác giữa môi trường với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội cũng như những quy định của pháp luật môi trường để từ đó chủ động trong việc phòng ngừa ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường. Nhưng việc tuyên truyền chưa được phổ biến thường xuyên đến doanh nghiệp, nên công tác này còn rất hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu đặt ra.

Thứ tư, theo quy định của pháp luật thì nội dung của quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường phải được báo cáo với nhân dân nơi thực hiện dự án (trừ trường hợp dự án đầu tư nằm trong khu công nghiệp mà dự án xây dựng kết cấu hạ tầng của khu công nghiệp đó đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường). Trên thực tế yêu cầu này, sự tham gia của nhân dân vào việc đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các dự án khu công nghiệp chưa được coi trọng. Nói một cách khác là quyền được tiếp cận thông tin của nhân dân về lĩnh vực bảo vệ môi trường vẫn là điều còn nằm trong phương hướng của giai đoạn tới, nên không phát huy được trí tuệ tập thể, không tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt các quy định của pháp luật môi trường.

Thứ năm, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa thật sự quan tâm đầy đủ về vấn đề môi trường và việc thực hiện pháp luật môi trường ở các khu công nghiệp.

Các chủ trương, chính sách, quy định chưa thực sự tạo ra sự bảo đảm về pháp lý cho việc thực hiện pháp luật môi trường ở các khu công nghiệp có hiệu quả. Còn thiếu khá nhiều các quy định trong việc bảo vệ môi trường nên vẫn tồn tại nhiều hiện tượng vi phạm pháp luật nhiều năm nhưng không hề bị xử lý như hành vi xả nước thải, khói thải vượt tiêu chuẩn cho phép trực tiếp ra ngoài môi trường.. chưa có quy định cụ thể để khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện tốt các quy phạm pháp luật môi trường nghiên cứu và áp dụng các công nghệ tiên tiến nhằm mục đích giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất của đơn vị. Đặc biệt là địa phương chưa có quy định cụ thể về nghĩa vụ của những tổ chức, cá nhân phải khôi phục lại hiện trạng môi trường của đơn vị mình nên vẫn xảy ra tình trạng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử phạt với đơn vị gây ô nhiễm môi trường nhưng sau khi xử phạt môi trường vẫn tiếp tục bị ô nhiễm.

Các dự án bảo vệ môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt nhưng việc triển khai còn chậm. Việc đầu tư kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường còn hạn hẹp nên khó khăn cho hoạt động triển khai các chủ trương đường lối, chính sách về môi trường.

Năng lực của nhiều cán bộ làm công tác quản lý môi trường còn thiếu kiến thức chuyên môn. Có không ít cán bộ thanh tra về môi trường chỉ được đào tạo về khoa học pháp lý chứ chưa qua một lớp đào tạo nào về môi trường vì thế dẫn đến tình trạng xử lý chưa nghiêm minh, chưa kịp thời, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đòi hỏi.

Về phía các cơ quan quản lý nhà nước đôi khi chưa có sự phối hợp đồng bộ với nhau trong công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp.

2.2.4. Bài học kinh nghiệm trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

Sau gần 7 năm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương đối với việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với sức khỏe của nhân dân và sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Ban thường vụ tỉnh uỷ Hải Dương đã ra chỉ thị số 54/CT-TU về công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với nội dung quán triệt tới các cấp, các ngành, các tổ chức và cán bộ, Đảng viên, nhân dân nhận thức sâu sắc về quan điểm phát triển bền vững trong tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trong công tác phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Từ chủ trương chính sách đó mà các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương đã kịp thời đưa ra những quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh nói chung và khu công nghiệp nói riêng.

Việc ban hành các chủ trương, chính sách và các quy định một cách kịp thời, đúng đắn đã góp phần vào việc định hướng và điều chỉnh hành vi của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh của đơn vị mình, bảo đảm yêu cầu thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp cũng như tại địa phương.

Hai là, phải xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác môi trường ngang tầm nhiệm vụ. Cán bộ phải thực sự có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn vững vàng mới có thể ngăn ngừa ô nhiễm và xử lý môi trường, có thể tham mưu cho Tỉnh uỷ và UBND tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực môi trường trên cơ sở văn bản pháp luật của Nhà nước, phù hợp với các khu công nghiệp ở địa phương tính khả thi cao. Cán bộ làm công tác môi trường phải có năng lực vận động, lời cuốn, khơi dậy tinh thần trách nhiệm và ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp. Cán bộ quản lý về môi trường phải công tâm, khách quan, giải quyết công việc thấu tình đạt lý, mọi công việc phải được giải quyết triệt để, tận gốc không để dân thắc mắc, khiếu kiện. Không để vụ việc từ chỗ dễ giải quyết phải trở thành phức tạp.

Ba là, phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về pháp luật môi trường, về quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp. Thông qua tuyên truyền làm chuyển biến tư tưởng, nhận thức của cán bộ môi

trường và doanh nghiệp từ đó thống nhất trong hành động bảo vệ môi trường. Công tác tuyên truyền phải được duy trì thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức phong phú, coi trọng biểu dương những doanh nghiệp điển hình trong việc bảo vệ môi trường, nội dung ngắn gọn, dễ nhớ, để cho doanh nghiệp thấy bảo vệ môi trường gắn kết hài hoà với phát triển kinh tế, để phát triển bền vững từ đó thu hút sự quan tâm, kích thích tính tự giác, tích cực của doanh nghiệp vào các công việc chung của cộng đồng, tuân trọng pháp luật và có ý thức tham gia vào việc bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp cũng như của địa phương.

Kết luận chương 2

Qua thực trạng thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cho thấy việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định. Các tổ chức đơn vị kinh tế đã có ý thức bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như trong sinh hoạt của đơn vị mình. Các cơ quan quản lý nhà nước đã bước đầu phát huy được vai trò của mình trong việc kiểm tra, thanh tra, xử lý các vi phạm pháp luật môi trường ở các khu công nghiệp. Bên cạnh đó thực trạng thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cũng đang cho thấy việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là trong thi hành pháp luật của các chủ thể cùng với những nguyên nhân đã được phân tích một cách khá toàn diện, tình trạng ô nhiễm môi trường đang có xu hướng gia tăng. Nguyên nhân chủ yếu là do ý thức pháp luật của các doanh nghiệp nói chung còn chưa cao, đặc biệt là sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền chưa đúng mức và kịp thời; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật môi trường chưa hiệu quả. Việc xác định được những nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là cơ sở để đề ra những giải pháp bảo đảm cho việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X dự báo tình hình những năm sắp tới: Trên thế giới hoà bình, hợp tác và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc, khôn lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra những cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng những yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các Quốc gia, nhất là các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Cạnh tranh kinh tế, thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn và công nghệ... giữa các nước ngày càng gay gắt, quyết liệt. Trong những năm tới đất nước ta có cơ hội lớn để tiến lên mặc dù khó khăn vẫn còn nhiều. Nhiệm vụ đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn. Mục tiêu tổng quát là: *“Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước...”*[24, tr.76]. Tăng cường quản lý tài nguyên Quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng. Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại và gây

ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề... từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch. Tích cực phục hồi môi trường và hệ sinh thái bị phá huỷ. Quan tâm đầu tư cho lĩnh vực môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 50% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường, tất cả khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải, 90% chất thải rắn thông thường, 80%

chất thải nguy hại được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XIV (Nhiệm kỳ 2005 – 2010) định hướng:

Duy trì tốc độ phát triển cao đi đôi với nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, tăng lực cạnh tranh và bảo vệ môi trường. Phân đầu công nghiệp Trung ương tăng 12,1% năm, công nghiệp địa phương tăng 19% năm (ngoài quốc doanh tăng 20,7% năm) và công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 25,2% năm trở lên... nâng cao chất lượng công tác thẩm định và triển khai thu hút nhanh các dự án vào các khu, cụm công nghiệp. Tăng đầu tư và huy động sức mạnh tổng hợp tham gia bảo vệ môi trường. Tập trung xử lý tình trạng ô nhiễm, nhất là những cơ sở gây bức xúc trong nhân dân, xử lý chất thải của các khu, cụm công nghiệp, xây dựng bãi rác tập trung của tỉnh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà máy chế biến rác thải và hệ thống xử lý nước thải [22].

Trên cơ sở các nguyên tắc và chính sách bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội, từ những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ môi trường, việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương *cần quán triệt và thực hiện phương hướng* được thể hiện rõ nét trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2005 – 2010 như sau:

Một là, phát triển công nghiệp nhanh và bền vững nâng cao sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Hai là, coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ, từng bước hiện đại hoá các cơ sở sản xuất.

Ba là, ưu tiên phát triển nhanh công nghiệp công nghệ cao, các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và công nghiệp phụ trợ, thu hút các dự án sử dụng nhiều lao động vào các vùng nông thôn.

Bốn là, có cơ chế để huy động vốn đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, không để quy hoạch treo và hạn chế việc phát triển các khu công nghiệp bám dọc

theo đường giao thông chính. Chỉ thu hút các dự án có công nghệ cao, ít gây ô nhiễm môi trường.

Năm là, thực hiện tốt công tác đánh giá môi trường, tập trung xử lý tình trạng ô nhiễm, nhất là những cơ sở gây bức xúc trong nhân dân, xử lý chất thải ở các khu công nghiệp, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà máy chế biến rác thải và hệ thống xử lý nước thải.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Trên cơ sở lý luận chung về thực hiện pháp luật, thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, thực trạng việc thực hiện pháp luật về môi trường và phương hướng thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương tôi xin đề xuất những giải pháp sau đây nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường

Như phần trên đã đề cập, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả của thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực tế ở nước ta hiện nay hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập, còn thiếu nhiều quy định pháp luật quan trọng, nhiều quy định pháp luật môi trường tính khả thi chưa cao. Các quy phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các cơ quan chuyên môn về môi trường chưa cụ thể và chưa đầy đủ... Để thực hiện pháp luật môi trường ở các khu công nghiệp đạt hiệu quả thì cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật môi trường với những nội dung chính sau:

- Điều 131, luật bảo vệ môi trường 2005 nêu “sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được phân làm 3 mức: mức 1 là có suy giảm, mức 2 là suy giảm nghiêm trọng và mức 3 là suy giảm đặc biệt nghiêm trọng”. Nhưng không đưa ra tiêu chí đánh giá cụ thể hoặc thiếu các thiết bị, phương tiện đánh giá, nên khó xử lý.

- Việc xây dựng luật có vấn đề về tính ổn định. Nhiều luật chưa đưa vào cuộc sống đã phải “sửa đổi” và “bổ sung một số điều...” Và văn bản pháp luật bảo vệ môi trường

cũng không ngoại lệ: Nghị định 80/2006/NĐ-CP ban hành năm 2006 qua 1 năm áp dụng đã phải sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định 21/2008/NĐ-CP.

- Theo Luật bảo vệ môi trường năm 2005 các khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đồng bộ với quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Điều này đúng, nhưng không phù hợp với tình hình thực tế các khu công nghiệp. Bởi, hiện nay hầu hết các công ty kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đều hoạt động theo kiểu “*cuốn chiếu*”. Tức xây đến đâu, kêu gọi đến đó. Nếu các khu công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi khu công nghiệp đi vào hoạt động, thì khó có thể thực hiện được. Thêm nữa, khi thiết kế sẽ khó tính được công suất xử lý. Bởi thực tế nước thải của khu công nghiệp không phụ thuộc vào số lượng doanh nghiệp đầu tư, mà phụ thuộc vào lượng nước thải nhiều hay ít. Như vậy, việc giao trách nhiệm cho chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung là đúng, nhưng cần quy định “*chốt*” một thời hạn nhất định.

- Cần có văn bản riêng cho việc bảo vệ môi trường không khí, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn môi trường đặc biệt là hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia về không khí. Hiện nay nước ta chưa có tiêu chuẩn giới hạn tối đa cho phép về ô nhiễm mùi.

Cần có các quy định pháp luật cho việc áp dụng các công cụ tài chính và kinh tế trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường nếu chỉ áp dụng các biện pháp hành chính, cưỡng chế thì rất khó đưa các quy định môi trường vào cuộc sống. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động môi trường để trang bị những thiết bị chuyên dùng giám sát môi trường, chứng tỏ Nhà nước quan tâm và tăng cường công tác quản lý về môi trường, từ đó sẽ tác động, khuyến khích và nâng cao trách nhiệm các doanh nghiệp đang hoạt động trong khu công nghiệp về xử lý ô nhiễm môi trường cục bộ.

. Khuyến khích các Ngân hàng, công ty bảo hiểm tham gia vào việc cung cấp tài chính cho bảo vệ môi trường.

. Huy động sự tham gia của các doanh nghiệp vào việc đầu tư nguồn lực cho các hoạt động bảo vệ môi trường, áp dụng các chính sách khuyến khích đầu tư bảo vệ môi

trường: giảm thuế nhập khẩu thiết bị bảo vệ môi trường, tín dụng lãi suất thấp cho vay đối với các công trình xử lý nước thải.

. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân vào bảo vệ môi trường, tạo lập môi trường sống xanh, sạch, đẹp tại nơi làm việc và nhà ở.

Cần phải có những quy phạm pháp luật để áp dụng những công cụ kinh tế nh việc ban hành và thực thi các loại thuế, phí bảo vệ môi trường, cơ chế ký quỹ, đặt cọc hoàn trả, giấy phép phát thải và thị trường trao đổi quyền phát thải, các loại hình tổ chức tín dụng về môi trường như quỹ môi trường,...

Những loại hình kinh tế nên được sử dụng trong những năm tới:

Về phí: Trên cơ sở những phí đã có cần hoàn thiện thêm và mở rộng quy mô phí các loại phát thải khác như phí khí thải. Đảm bảo theo nguyên tắc “*người gây ô nhiễm phải trả tiền*”, tiến tới giảm dần trợ cấp từ ngân sách địa phương hay Nhà nước cho những dịch vụ môi trường như hiện nay.

Về thuế: Nên hình thành một số loại thuế môi trường,... có thể tính thuế xả thải hay thuế đánh vào đầu sản phẩm. Việc Việt Nam ra nhập AFTA và WTO buộc chúng ta phải thay đổi một số thuế nhập khẩu hiện nay. Để bổ sung nguồn thu ngân sách Nhà nước nên triển khai các loại thuế môi trường. Điều này không chỉ có lợi cho quốc gia mà còn phù hợp với thông lệ quốc tế.

Nhãn môi trường: Đây là loại công cụ kinh tế rất có ý nghĩa cho người tiêu dùng và hình ảnh của doanh nghiệp tham gia vào xuất khẩu hàng hoá. Cần có các quy định và cơ chế để một số mặt hàng xuất khẩu cũng như tiêu thụ nội địa của Việt Nam được dán nhãn môi trường. Việc quy định của pháp luật cũng như xác định trách nhiệm dân sự của cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực môi trường hiện vẫn đang là một trong những vấn đề hết sức phức tạp, mới mẻ và chưa đáp ứng được thực tiễn yêu cầu bảo vệ môi trường. Do đó, cần hoàn thiện quy định trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường nói chung đối với các thành phần môi trường như: đất, nước, không khí, khoáng sản,... nói riêng để đạt được tính thống nhất và phù hợp.

Cần phải quy định một cách đầy đủ và có hệ thống các loại trách nhiệm dân sự có thể áp dụng trong lĩnh vực môi trường để tạo điều kiện thuận lợi và cơ sở cho việc áp

dụng. Quy định chi tiết các quy phạm làm cơ sở cho việc xác định thiệt hại môi trường - yếu tố cơ bản và quan trọng trong việc xác định trách nhiệm môi trường.

Có thể thấy vướng mắc trong việc xác định trách nhiệm nhiều chủ thể cũng gây hại. Chẳng hạn, như đối với một khu công nghiệp, chất thải của một nhà máy vào môi trường được xác định là không vượt tiêu chuẩn cho phép. Nhưng chất thải của nhiều nhà máy gộp lại sẽ làm cho nồng độ các chất thải độc hại vào không khí, chất độc thải vào nguồn nước cao hơn nhiều so với mức độ cho phép. Vậy trên thực tế, tuy chưa có hành vi vi phạm pháp luật môi trường đối với từng chủ thể nhưng đã có thiệt hại xảy ra. Trong trường hợp này, có thể yêu cầu tất cả các nhà máy đều phải chịu trách nhiệm dân sự không. Để xác định một cách tương đối chuẩn xác và đầy đủ các thiệt hại môi trường thông lệ và kinh nghiệm quốc tế cho thấy cần phải dựa trên nhiều phương pháp khác nhau phù hợp với tính chất và mức độ thiệt hại.

Cần có các quy định nhằm giải quyết vấn đề xung đột luật trong trường hợp trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường có liên quan đến yếu tố nước ngoài. Chúng ta đều biết nhiều sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường xảy ra có hiệu quả và ảnh hưởng rất lớn trong một phạm vi riêng. Thiệt hại mà nó gây ra đôi khi không chỉ đối với một quốc gia mà cả một khu vực. Chính vì thế, vấn đề bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của riêng một quốc gia nào mà vấn đề quốc tế. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng có điều ước quốc tế để áp dụng điều chỉnh những trường hợp như thế. Vì vậy, quy định luật xung đột là rất cần thiết nhằm giải quyết các quan hệ về trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường có yếu tố nước ngoài.

Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường theo Nghị định 81/2006/NĐ-CP còn quá thấp so với chi phí phải đầu tư thoả đáng cho công tác xử lý môi trường.

Cần quy định bổ sung thẩm quyền xử phạt của lực lượng cảnh sát môi trường. Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2008 mới chỉ bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa bổ sung thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn như tạm giữ người, tang vật, phương tiện, khám xét. Nghị định số 81/2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường chưa bổ sung thẩm quyền xử phạt của lực lượng cảnh sát môi trường đối với các hành vi cụ thể. Đặc biệt, tại Bộ luật Hình

sự năm 1999, chương tội phạm về môi trường còn nhiều điểm chưa phù hợp nên áp dụng rất khó khăn, hạn chế.

Quy định các chế tài xử lý các hành vi chống đối, cản trở thực hiện các kết luận của cơ quan chuyên môn về môi trường đặc biệt là kết luận của thanh tra môi trường.

3.2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý và nâng cao năng lực công tác cho cán bộ quản lý về môi trường ở các khu công nghiệp

Trong bất cứ lĩnh vực quản lý nào, vấn đề tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ là nhân tố quyết định hàng đầu về sự thành công. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường

ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương, bên cạnh đã có hệ thống văn bản cơ chế và chính sách thì vấn đề có ý nghĩa quyết định là hệ thống bộ máy và đội ngũ cán bộ ngang tầm với nhiệm vụ. Bởi đây là bộ phận cầm công cụ pháp luật bảo vệ môi trường vận dụng vào thực tế, đồng thời tham mưu cho chính quyền địa phương quyết định các chính sách, biện pháp quản lý bảo vệ môi trường. Một trong những nguyên nhân hạn chế của thực hiện pháp luật môi trường trong những năm qua còn bất cập so với yêu cầu thực tế. Ngày 12/6/2008 UBND tỉnh ra quyết định số 2011/QĐ-UBND thành lập Chi cục bảo vệ môi trường trực thuộc Sở tài nguyên và môi trường và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Chi cục bảo vệ môi trường.

Là một bước chuyển quan trọng trong việc kiện toàn bộ máy quản lý môi trường tỉnh Hải Dương. Với cơ cấu tổ chức của Chi cục, có 2 phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm: Phòng tổng hợp và đánh giá tác động môi trường, phòng kiểm soát ô nhiễm, hiện nay với tổng số cán bộ có là 16 cán bộ chuyên môn. Đó là cơ quan quản lý hành chính về môi trường. Đồng thời thành lập cơ quan sự nghiệp phục vụ quản lý Nhà nước về môi trường là trung tâm quan trắc và phân tích môi trường. Cùng với Chi cục quản lý môi trường tỉnh còn có 2 cơ quan hoạt động sự nghiệp có liên quan đến cung cấp thông tin và kỹ thuật bảo vệ môi trường, trực thuộc Sở tài nguyên và môi trường Hải Dương gồm: trung tâm tài nguyên và môi trường và trung tâm thông tin tài nguyên và môi trường. Tuy vậy đối với các đơn vị sự nghiệp này cần phải được đầu tư kinh phí tài chính và trang thiết bị kỹ thuật để nâng cao chất lượng hoạt động, nhằm cung cấp thông tin cần thiết, kịp thời và

chính xác cho cơ quan chức năng tham mưu cho UBND ra quyết định những chính sách, biện pháp đúng đắn về bảo vệ môi trường.

Hiện nay ở cấp huyện có Phòng tài nguyên và môi trường nhưng cán bộ chuyên trách về môi trường ở các xã, phường, thị trấn một số xã chỉ có cán bộ địa chính, chưa có cán bộ môi trường. Do vậy, cần phải tăng cường biên chế cán bộ chuyên trách cho cấp huyện và cấp xã.

Ngày 28/11/2008 UBND ra quyết định số 57/2008/QĐ-UBND quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương, theo quyết định này Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường các cấp thực hiện thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý các vi phạm luật bảo vệ môi trường. Ban quản lý khu các công nghiệp tỉnh Hải Dương gồm có 6 phòng tổ chức chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc trong đó có phòng Quản lý quy hoạch, xây dựng và môi trường, chỉ có một cán bộ chuyên trách về môi trường. Do đó cần phải tăng thêm biên chế cán bộ chuyên trách cho Ban quản lý các khu công nghiệp.

Phòng cảnh sát môi trường trực thuộc công an tỉnh Hải Dương được thành lập ngày 4 tháng 3 năm 2008, có trách nhiệm phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp kiểm tra và xử lý các sai phạm trong việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Thời gian qua đã phát hiện xử lý một số vụ vi phạm pháp luật môi trường ở các khu công nghiệp. Thông qua công tác điều tra cơ bản, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, hướng dẫn các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, đã bộc lộ những hạn chế nhất định. Công tác nắm tình hình điều tra cơ bản, đối tượng trọng điểm vi phạm về môi trường chưa được nhiều, chưa phát hiện và xử lý được nhiều vụ vi phạm nghiêm trọng về môi trường. Một trong những nguyên nhân đó là cán bộ chiến sỹ phòng cảnh sát môi trường, hầu hết chưa có chuyên môn và kinh nghiệm thực tế.

Như vậy, việc tăng cường số lượng cán bộ chuyên trách môi trường cho cấp huyện và xã, ban quản lý khu công nghiệp là rất cần thiết, nhưng vấn đề quan trọng hơn nữa là đào tạo nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ có chức năng thực

thi nhiệm vụ quản lý Nhà nước về môi trường, bởi vì yếu tố quan trọng nhất để thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp thực sự đem lại hiệu quả đó chính là con người, mà trước hết là đội ngũ cán bộ.

Thực tế hiện nay đội ngũ cán bộ trực tiếp quản lý về môi trường ở các khu công nghiệp vừa thiếu về số lượng lại vừa yếu về chất lượng. Ở cấp tỉnh, số cán bộ có kinh nghiệm và kỹ năng công tác tốt chưa nhiều, số còn lại phần lớn là sinh viên Đại học mới ra trường, cấp huyện và cấp xã lại càng yếu hơn. Vì vậy, việc xây dựng và tổ chức đội ngũ cán bộ chuyên trách có đủ số lượng và nâng cao chất lượng công tác quản lý, bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp nói riêng và cho các địa phương, các ngành, lĩnh vực của tỉnh nhà nói chung là vấn đề hết sức cần thiết, cần được thực sự quan tâm trong giai đoạn hiện nay; mà điều trước hết là ưu tiên tuyển dụng những người có trình độ chuyên môn về tài nguyên và môi trường. Ngoài ra, cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường cấp tỉnh tăng cường tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ môi trường cho cán bộ trong ngành và cán bộ làm công tác môi trường trong các khu công nghiệp, trong đó tập trung như : đánh giá tác động môi trường đối với các dự án ở các khu công nghiệp; cam kết bảo vệ môi trường; xử lý chất thải; ngăn ngừa ô nhiễm môi trường.

Việc nâng cao về số lượng và năng lực công tác cho cán bộ công chức trong lĩnh vực môi trường có ý nghĩa rất quan trọng nhưng việc giáo dục cán bộ công chức, chiến sĩ Công an “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” sẽ có tác động sâu rộng, thiết thực hiệu quả đối với việc thực hiện các nội dung của pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.

3.2.3. Nâng cao nhận thức của các chủ thể thực hiện pháp luật về vai trò, tầm quan trọng và nội dung của pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, đồng thời tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường

Từ thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cho thấy hạn chế của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu

công nghiệp là ý thức bảo vệ môi trường của các chủ thể thực hiện pháp luật ở các khu công nghiệp, chưa đầy đủ, sâu sắc. Do đó để bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi

trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương thực sự có hiệu quả, giải pháp đầu tiên là phải nâng cao ý thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường của các cấp uỷ đảng, chính quyền, các doanh nghiệp, đồng thời tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường. Bởi bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của toàn xã hội. Chính vì vậy công tác quan trọng là tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho mọi người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức và các cơ quan Nhà nước các cấp. Muốn nâng cao nhận thức của các chủ thể trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là phải làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục pháp luật môi trường để các chủ thể có được tương đối đầy đủ các thông tin về môi trường, pháp luật về môi trường; từ đó chủ động trong việc phòng ngừa ô nhiễm và xử lý ô nhiễm trong quá trình sản xuất và trong sinh hoạt.

Việc tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, ý thức về bảo vệ môi trường đến mọi người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức và các cơ quan Nhà nước các cấp nhằm nâng cao sự hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày để ngăn ngừa và hạn chế vi phạm pháp luật môi trường. Qua đó mọi người dân có thể thấy được quyền của mình được sống trong môi trường trong lành. Ngoài việc tuân thủ ý thức tự giác chấp hành thực hiện luật bảo vệ môi trường, họ nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc phát hiện kịp thời đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý.

Để thực hiện tốt nội dung này. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, các tổ chức chính trị – xã hội, các ban ngành...phải đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ là những chủ nhân của xã hội trong tương lai. Việc tổ chức tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về môi trường có thể sử dụng nhiều biện pháp; thông qua các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng chúng ta có thể sử dụng giáo dục pháp luật bằng những hình ảnh trực quan sinh động về tình trạng ô nhiễm ở khu vực xung quanh các khu công nghiệp và một số nơi trong tỉnh. Bằng những hình ảnh đó sẽ giúp mọi người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, các

cơ quan Nhà nước có hành vi ứng xử của họ theo pháp luật; từng bước phải lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật vào chương trình giảng dạy ở các cấp học của hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục môi trường với sinh hoạt của các tổ chức Đảng, đoàn thể, Chính quyền.

Phát động phong trào của các tổ chức quần chúng tìm hiểu về môi trường và pháp luật môi trường; giới thiệu những gương điển hình bảo vệ môi trường. Khen thưởng kịp thời các điển hình trong công tác bảo vệ môi trường, đồng thời công khai những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường bị xử lý để có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với các khu công nghiệp nhiệm vụ trọng tâm thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường ở khu vực này là chống ô nhiễm môi trường bằng hoạt động kiểm soát nguồn chất thải bao gồm: nước thải, chất thải rắn, khí thải.

Để thực hiện tốt bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là đẩy mạnh điều tra, thống kê các nguồn thải. Quy hoạch, xây dựng các khu công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý chất thải tập trung, đặc biệt là có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

Do vậy thực hiện nghiêm túc yêu cầu về bảo vệ môi trường ngay từ khâu xây dựng và phê duyệt các quy hoạch, dự án đầu tư không cho các dự án đầu tư sản xuất có khả năng gây ô nhiễm cao, không đưa vào vận hành các nhà máy sản xuất trong khu công nghiệp chưa đáp ứng đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường. Do vậy việc nâng cao ý thức đối với những người hoạch định chính sách, những cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường là hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

3.2.4. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Để bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có hiệu quả thì việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật trong việc thực hiện pháp luật ở các khu công nghiệp có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Đây là giải pháp bảo đảm cho pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện có hiệu quả ở các khu công nghiệp. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc quản

lý môi trường ở các khu công nghiệp cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật. Bởi việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp của các doanh nghiệp phần lớn còn chưa chấp hành nghiêm túc còn cố tình lợi dụng những kẽ hở của pháp luật và bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi mong muốn của mình gây ô nhiễm môi trường. Trong hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường thì kiểm tra đối với việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm phòng ngừa, ngăn chặn những vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, phát hiện vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và xử lý chủ thể vi phạm pháp luật đó theo quy định của pháp luật, đồng thời phát hiện những khiếm khuyết trong quá trình thực hiện pháp luật. Kiểm tra là hoạt động cần phải được tiến hành thường xuyên, liên tục để các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường hoàn thiện những quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường để kịp thời sửa chữa, bổ sung hoàn thiện chúng đồng thời đưa ra những biện pháp, cách thức quản lý về môi trường. Cùng với việc kiểm tra là hoạt động giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường để có thể phát hiện ra những yếu kém, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp để có những biện pháp nhằm bảo đảm sự tôn trọng và thực hiện pháp luật của các chủ thể thực hiện pháp luật.

Việc tăng cường kiểm soát các nguồn chất thải ở các khu công nghiệp là việc làm hết sức cần thiết thông qua kiểm tra, giám sát các hệ thống quản lý và xử lý chất thải tại các doanh nghiệp. Kiên quyết không cho các doanh nghiệp đi vào hoạt động sản xuất nếu chưa thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường. Thực tế cho thấy khi hành vi vi phạm mà không được phát hiện và xử lý kịp thời thì sẽ có nguy cơ xảy ra những vi phạm nghiêm trọng hơn.

Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp được tiến hành với các nội dung như : thực hiện các nội dung đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường sau khi được phê duyệt và triển khai dự án đầu tư.

Việc kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp cần được tiến hành thường xuyên bởi các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường. Ngoài ra việc giám sát việc thực hiện pháp luật còn được tiến hành thường xuyên của các cơ quan Đảng, Mặt trận, đoàn thể.

Tăng cường hoạt động giám sát của quần chúng nhân dân đối với việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp. Theo quy định của pháp luật thì các doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cam kết bảo vệ môi trường nhưng trong quá trình sản xuất, kinh doanh để giảm chi phí không cho các thiết bị xử lý ô nhiễm hoạt động thường xuyên hoặc không lắp đặt các thiết bị xử lý ô nhiễm, xả chất thải ra ngoài môi trường không qua xử lý. Chính người dân là người giám sát thường xuyên chặt chẽ các Doanh nghiệp, ý kiến phản ánh của nhân dân có tác dụng thúc đẩy việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường về việc hạn chế gây ô nhiễm môi trường đối với các đơn vị mà hành vi vi phạm của nó các cơ quan Nhà nước không phát hiện kịp thời.

Để hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát đem lại hiệu quả thiết thực cho việc thực hiện pháp luật ở các khu công nghiệp thì hoạt động này phải gắn liền với việc kết luận, đánh giá mức độ thực hiện pháp luật để từ đó áp dụng các chế tài đối với những hành vi vi phạm đảm bảo cho các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện một cách nghiêm chỉnh ở các khu công nghiệp.

3.2.5. Đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ

Để cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường cần triển khai đồng bộ mọi nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, nhằm khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xây dựng các mô hình

về sản xuất sạch hơn, tạo thị trường thúc đẩy các Doanh nghiệp dịch vụ môi trường, phát triển kinh tế môi trường.

Việc áp dụng công nghệ sản xuất sạch hoặc ít chất thải trong các khu công nghiệp và khuyến khích đổi mới công nghệ theo hướng hiện đại hoá các khu công nghiệp là hướng chiến lược quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm thiểu nguồn ô nhiễm, bảo vệ môi trường khu công nghiệp lâu dài cũng là xu hướng phát triển của thế giới.

Bước vào giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện đã có luật bảo vệ môi trường, nhu cầu trang thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường là rất lớn, như là thiết bị lọc bụi Xyclon, lọc bụi tĩnh điện, túi lọc bụi; thiết bị xử lý nước thải công nghiệp; thiết bị xử lý thu hồi các khí thải công nghiệp (CO_2 , Cl ...) thiết bị đốt rác thải; thiết bị tái chế chất thải kim loại, giấy... Với trình độ công nghệ cơ khí, hoá học và điện - điện tử ở nước ta thì có thể hoàn toàn tự chế tạo được các thiết bị này, vừa giảm được ngoại tệ nhập thiết bị vừa đáp ứng kịp thời việc xử lý ô nhiễm ở các khu công nghiệp. Do vậy khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ, ứng dụng các giải pháp kỹ thuật cải thiện nâng cao chất lượng môi trường. Áp dụng các chính sách, cơ chế hỗ trợ về vốn, khuyến khích về thuế, trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường, khuyến khích áp dụng cơ chế chuyển nhượng, trao đổi quyền phát thải và trách nhiệm xử lý chất thải phù hợp với cơ chế thị trường.

Các lĩnh vực hiện nay cần được nghiên cứu, đầu tư khoa học công nghệ; công nghệ xử lý nước thải theo công nghệ sinh học cho các doanh nghiệp chế biến thức ăn gia súc; công nghệ xử lý nước thải theo phương pháp sinh học, hoá học cho các doanh nghiệp nhuộm vải sợi, mạ điện; công nghệ xử lý chất thải khí các lò hơi cho doanh nghiệp sử dụng lò hơi đốt than, đốt dầu.

3.2.6. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hiện đại hoá, đất nước nhiệm vụ bảo vệ môi trường luôn được Đảng và Nhà nước ta coi trọng. Trong chiến lược phát triển chung về kinh tế-xã hội. Để cả một sự phát triển bền vững cần cả một chương trình hành

động thống nhất đồng bộ giữa phát triển sản xuất với công tác bảo vệ và kiểm soát môi trường. Chính vì vậy để các khu công nghiệp này đồng bộ phát triển sản xuất với thực

hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, ngăn ngừa những vi phạm pháp luật môi trường đảm bảo cho sự phát triển bền vững của địa phương, nhưng không phải chỉ cho các khu công nghiệp này phát triển một cách tự phát mà cần có lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam định hướng, tác động thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.

Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ở trên ba phương diện cơ bản. Phương diện thứ nhất là đề ra chủ trương, đường lối, chính sách về bảo vệ môi trường, trên cơ sở đó Nhà nước cụ thể hoá đường lối chủ trương của Đảng thành pháp luật. Phương diện thứ hai là lãnh đạo đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường. Đó chính là những người thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường – nhân tố ảnh hưởng quan trọng đến năng lực và hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Phương diện thứ ba đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Vì vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, theo tác giả luận văn cần tiếp cận theo ba phương diện như đã phân tích ở trên.

a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc đề ra chủ trương, chính sách thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp vấn đề này cần tập trung vào những công việc chủ yếu sau

- + Đề ra chủ trương trong việc bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.
- + Tăng cường xây dựng các chính sách hợp lý, thiết thực nhằm triển khai và thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.
- + Ban hành các chủ trương, chính sách nhanh chóng, kịp thời trong việc tăng cường cơ chế thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.

b. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý của đội ngũ thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp

Để có được đội ngũ cán bộ vừa có năng lực chuyên môn giỏi, vừa có tâm huyết với việc bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp trong hoạt động thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Cần thiết phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ làm công tác này. Để làm tốt nhiệm vụ trên, theo tác giả, Đảng ta cần quan tâm đến những vấn đề cơ bản sau:

+ *Một là, cần xây dựng một chiến lược đào tạo cán bộ, công chức thực sự nghiêm túc, bài bản mang tính thực tiễn cao trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường*

ở các khu công nghiệp ở Việt Nam. Những người làm công tác thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp trước hết phải là những người thấm nhuần và thực hiện triệt để các chủ trương đường lối của Đảng trong việc bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Biết nắm bắt và vận dụng sáng tạo tinh thần, nội dung các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp. Biết xử lý đúng đắn các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường với mục đích cuối cùng là bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, có bản lĩnh, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường với mục đích cuối cùng là bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, có bản lĩnh, có tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp và kiên quyết xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

+ *Hai là, có kế hoạch quy hoạch, bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN sao cho phù hợp và có hiệu quả.*

Mỗi nội dung trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp cần có một lực lượng cán bộ, công chức có năng lực và trình độ khác nhau. Vì vậy cần chú trọng ngay từ khâu tuyển chọn và làm việc cho từng vị trí thích hợp với khả năng của từng người

+ *Ba là, cần có chính sách đãi ngộ thoả đáng đội ngũ làm công tác thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN.*

Nếu như thu nhập và đời sống của đội ngũ làm công tác thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN ổn định sẽ giúp cho họ yên tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách đãi ngộ thoả đáng, tương xứng với công sức và đóng góp của họ trong hoạt động thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN.

c. Tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Hải Dương nói riêng hiện nay

Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là một nhiệm vụ quan trọng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị lãnh đạo đường lối phát triển của cách mạng Việt Nam. Vì vậy muốn nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp nhất thiết phải tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Để thực hiện tốt yêu cầu đặt ra, cần làm tốt những công tác sau đây:

- + Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới và quán triệt sâu sắc phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước trong việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN.
- + Xác định rõ phạm vi, mức độ lãnh đạo Đảng đối với nhà nước trong thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN. Tránh tình trạng Đảng làm thay chức năng quản lý của nhà nước.
- + Nâng cao nhận thức trong Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan nhà nước đến toàn thể người lao động đang làm việc ở các khu công nghiệp trong việc cùng nhà nước tham gia thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp.
- + Tăng cường vai trò của các Đảng viên và cơ sở Đảng được giao nhiệm vụ thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các KCN.

3.2.7. Tăng cường sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong những năm vừa qua việc hợp tác trong lĩnh vực môi trường tại Hải Dương đã đạt được những kết quả nhất định, đã có nhiều dự án về bảo vệ môi trường được thực hiện tốt tại địa phương như: Dự án cải tạo và nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước – xây dựng nhà máy nước thải của thành phố với vốn trợ ODA của Cộng hoà Liên bang

Đức; dự án môi trường Việt Nam- Canada, dự án giúp đào tạo cán bộ về năng lực quản lý môi trường.

Tuy nhiên so với nhu cầu thực tế bảo vệ môi trường tại địa phương thì cần có chính sách phù hợp hơn nữa để tranh thủ sự giúp đỡ về kỹ thuật chuyên môn công nghệ và trình độ quản lý về môi trường của các nước, các tổ chức quốc tế. Có thể gửi cán bộ đi đào tạo ở các nước về chuyên ngành môi trường, pháp luật môi trường để Hải Dương có những chuyên gia về môi trường phục vụ cho công tác quản lý môi trường ở các khu công nghiệp cũng như ở địa phương được tốt hơn.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở xác định tính cấp thiết của đề tài “*Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương*”, luận văn đã đi vào làm rõ các vấn đề: cơ sở lý luận của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, nêu và phân tích khái niệm môi trường; khái niệm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, đồng thời nêu lên những vấn đề có tính cấp bách của môi trường, đó là ô nhiễm; suy thoái; sự cố môi trường. Những vấn đề đó đang xảy ra, nhất là ở các khu công nghiệp, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cùng cả nước tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường. Để pháp luật về bảo vệ môi trường phát huy được vai trò của nó trong việc điều chỉnh hành vi của các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp, kể cả các cơ quan nhà nước trong quá trình sử dụng cũng như khai thác các thành phần của môi trường. Vấn đề rất quan trọng là phải thực hiện tốt các văn bản này

Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp là quá trình hoạt động có mục đích làm cho các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế, hợp pháp của các chủ thể pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý nghiêm minh các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đảm bảo quyền con người được sống trong môi trường trong lành và bảo đảm sự phát triển bền vững.

Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp hiện nay ở tỉnh Hải Dương, trong những năm qua đã đạt được những thành tựu nhất định, song vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế này là do hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện; ý thức pháp luật của các doanh nghiệp chưa cao; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường chưa được coi trọng và chưa hiệu quả. Bên cạnh đó còn do sự quan tâm chưa đúng mức của chính quyền địa phương cho hoạt động này. Để khắc phục những hạn chế trên cần phải thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản như : Trong tình hình hiện nay thì việc cần nhất là phải có một hệ thống

pháp luật về bảo vệ môi trường đồng bộ và hiệu quả để kịp thời điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong quá trình khai thác, sử dụng và tác động đến môi trường. Mặt khác cần phải nâng cao ý thức pháp luật của các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước về vị trí, vai trò của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp, đồng thời tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho mọi người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức và các cơ quan nhà nước các cấp. Giải pháp quan trọng trước mắt là phải có sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đặc biệt là sự đầu tư về kinh phí; kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý; tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên môn về môi trường; đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ để cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường.

Thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả những giải pháp cơ bản trên sẽ góp phần vào việc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương, để cho Hải Dương trở thành tỉnh có môi trường xanh, sạch và đẹp, cùng cả nước đi lên trong quá trình phát triển.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (2008), *Báo cáo tình hình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường*.
2. Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (2008), *Báo cáo tình hình thực hiện cam kết môi trường*.
3. Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh Hải Dương (2009), *Báo cáo tình hình cấp giấy phép đầu tư, chấp thuận đầu tư cho các dự án trong các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương*.
4. Lê Huy Bá (2004), *Môi trường*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Hoàng Hữu Bình (chủ biên) (2006), *Những tác động của yếu tố văn hoá – xã hội trong Quản lý Nhà nước đối với tài nguyên và môi trường trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Bộ Công an (2006), *Quyết định số 1899/2006/QĐ-BCA, ngày 29/11/2006 V/v thành lập Cục cảnh sát môi trường trực thuộc Tổng cục cảnh sát để điều tra hình sự và xử lý các vi phạm quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật*.
7. Bộ Chính trị (2004), *Nghị quyết số 41- NQ/TW về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*.
8. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009), *Thông tư số 08/2009 ngày 15/7/2009 Quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp*.
9. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009), *Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 1208/ QĐ-BTNMT Ngày 10/6/2008 của Bộ trưởng tài nguyên và môi trường V/v Kiểm tra công tác bảo*

*vệ môi trường trên địa bàn các tỉnh: Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương và
Vĩnh Phúc.*

10. Bộ kế hoạch và đầu tư (2008), *Hội nghị sơ kết về thực hiện Nghị định 29/CP quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.*
11. *Các công ước quốc tế về môi trường* (1995), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

12. Chính phủ (2003), *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*.
13. Chính phủ (2004), *Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam (Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam)*.
14. Chính phủ (2006), *Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 V/v Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường*.
15. Chính phủ (2006), *Nghị định số 81/2006/NĐ-CP, ngày 09/8/2006 V/v xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường*.
16. Chính phủ (2008), *Nghị định số 21/ 2008, ngày 28/2/2008 V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 80/2006 V/v quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường*.
17. Chính phủ (2008), *Nghị định số 29 ngày 14/3/2008 V/v Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế*.
18. Trần Văn Chử (2006), *Tài nguyên và môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Cục thống kê Hải Dương (2008), *Niên giám thống kê năm 2008*.
20. Công an tỉnh Hải Dương (2008), *Quyết định 199/PX V/v thành lập phòng cảnh sát môi trường ngày 4/3/2008*.
21. Đảng bộ tỉnh Hải Dương (2000), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XIII*.
22. Đảng bộ tỉnh Hải Dương (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XIV*.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

26. Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình luật môi trường*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
27. Trần Ngọc Đường (2004), "Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật - nhiệm vụ trung tâm xây dựng nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân", *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (7).
28. Lê Văn Hải (2005), "Về việc thực hiện pháp luật đánh giá tác động môi trường ở Việt Nam", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (6).
29. Học viện Tài chính (2008), *Giáo trình kinh tế môi trường*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
30. Nguyễn Hoài Khanh (2008), "Tình hình thực hiện các quy định sau đánh giá tác động môi trường của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương", *Tạp chí Khoa học, công nghệ và môi trường*, (4).
31. Nguyễn Hoài Khanh (2008), "Công tác quản lý nhà nước về môi trường trong những năm qua ở Hải Dương", *Tạp chí khoa học, công nghệ, và môi trường* (6).
32. Nguyễn Đức Khiển (2002), *Môi trường và sức khỏe*, Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội.
33. Phạm Văn Lợi - Nguyễn Văn Động (2005), *Kiểm tra của cơ quan nhà nước đối với việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay*.
34. Đỗ Mười (1995), "Thư gửi cán bộ nhân viên ngành tư pháp nhân dịp 50 năm thành lập ngành", *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*.
35. Lê Văn Nãi (1999), *Bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ bản*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
36. Phạm Thị Việt Nga (2008), *Thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường trên địa bàn thành phố Thanh Hoá*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

37. Nguyễn Thị Thu Hường (2008), *Thực hiện pháp luật môi trường ở tỉnh Nam Định*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện Chính trị – Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

38. Phòng Cảnh sát môi trường, Công an Hải Dương (2009), *Báo cáo kết quả hoạt động của cảnh sát môi trường và việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh*.
39. Đinh Thị Mai Phương (2003), "Trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường của pháp luật Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (12).
40. Lê Dương Quang (2007), "Vấn đề quy hoạch các khu công nghiệp ở nước ta hiện nay", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (135).
41. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1980), *Hiến pháp năm 1980*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
42. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992), *Hiến pháp năm 1992*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
43. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), *Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
44. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 51/2002/QH10, ngày 25/12/2001 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2002*.
45. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Bảo vệ môi trường*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật đất đai*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2004), *Luật tài nguyên nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung*.
49. Trương Thị Minh Sâm (2004), *Các giải pháp nhằm nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp*.
50. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2003), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau giải quyết khiếu nại, tố cáo*.

51. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2004), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau giải quyết khiếu nại, tố cáo.*
52. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2005), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau giải quyết khiếu nại, tố cáo.*
53. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2006), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau giải quyết khiếu nại, tố cáo.*
54. Sở Tài nguyên và môi trường Hải Dương (2007), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau giải quyết khiếu nại, tố cáo.*
55. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2008), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau giải quyết khiếu nại, tố cáo.*
56. Sở Tài nguyên và môi trường Hải Dương (2003), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau thanh tra môi trường.*
57. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2004), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau thanh tra môi trường.*
58. Sở tài nguyên và môi trường Hải Dương (2005), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau thanh tra môi trường.*
59. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2006), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau thanh tra môi trường.*
60. Sở tài nguyên và môi trường Hải Dương (2007), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau thanh tra môi trường.*
61. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2008), *Báo cáo kết quả thực hiện kết luận sau thanh tra môi trường.*
62. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2003), *Báo cáo kết quả công tác năm 2003.*
63. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2004), *Báo cáo kết quả công tác năm 2004.*
64. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2005), *Báo cáo kết quả công tác năm 2005.*

65. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2006), *Báo cáo kết quả công tác năm 2006*.
66. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2007), *Báo cáo kết quả công tác năm 2007*.
67. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2008), *Báo cáo kết quả công tác năm 2008*.
68. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương (2009), *Báo cáo kết quả công tác 6 tháng đầu năm 2009*.
69. Phạm Hồng Thái - Đinh Văn Mậu (2009), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội.
70. Tỉnh ủy Hải Dương (2005), *Chỉ thị số 54/CT-TU về công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
71. Phạm Thị Ngọc Trâm (2006), *Quản lý nhà nước đối với tài nguyên và môi trường vì sự phát triển bền vững dưới góc nhìn xã hội - nhân văn*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
72. Trần Văn Tùng - Đặng Thị Phương Hoa - Nguyễn Bá Thủy (2005), *Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường ở một số khu công nghiệp phía Bắc tới sức khỏe cộng đồng*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
73. *Từ điển tiếng Việt* (1997), Nxb Đà Nẵng.
74. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2002), *Quyết định số 2375/QĐ-UBND, ngày 13/5/2002 V/v Quy định về trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh*.
75. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2002), *Quyết định số 3149/QĐ-UB, ngày 17/7/2002 V/v ban hành quy định về ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương*.
76. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2004), *Quyết định 5779/QĐ-UBND, ngày 31/12/2004 V/v Quy định thu, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối*

với nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị định 67/2003/NĐ-CP của chính phủ.

77. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2005), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2006-2020*.
78. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2008), *Quyết định số 55/2008 QĐ-UBND, ngày 19/11/2008 V/v Quy định về quản lý an toàn chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Hải Dương*.
79. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2009), *Quyết định số 2288/QĐ –UBND, ngày 02/7/2009 V/v Phê duyệt danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần xử lý*.
80. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương (2009), *Quyết định số 20/2009 V/v Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương*.
81. Viện Nhà nước và pháp luật (2002), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT	
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	8
1.1. Khái niệm, đặc điểm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp	8
1.2. Yêu cầu và các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp	38
1.3. Vai trò của việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp	44
Chương 2: THỰC TRẠNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ THỰC HIỆN	
PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG	49
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng các khu công nghiệp ở tỉnh Hải Dương	49
2.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương	60
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC	
HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở	79

CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Phương hướng bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương	79
3.2. Các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường ở các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương	81
KẾT LUẬN	99
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

BVMT	:	Bảo vệ môi trường
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
KCN	:	Khu công nghiệp
KCX	:	Khu chế xuất
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân